

## **THƯ GỬI CÁN BỘ KIỂM TRA, HIỆU ĐÍNH VÀ GHI MÃ**

*Các bạn thân mến!*

*Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương xin gửi đến các bạn lời chào trân trọng.*

*Ngày 10 tháng 7 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg “Về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009”.*

*Mục đích của cuộc Tổng điều tra là có được nguồn thông tin đầy đủ và tin cậy về dân số và nhà ở giúp cho Nhà nước, Quốc hội, Trung ương và các địa phương, các khu vực tập thể, tư nhân, các nhà đầu tư xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam nói chung và các bạn nói riêng.*

*Việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã phiếu điều tra là vô cùng quan trọng nhằm sửa chữa lỗi chưa phát hiện ra trong giai đoạn điều tra, ghi mã một số chỉ tiêu giúp cho công tác xử lý số liệu đạt chất lượng cao. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự nhiệt tình sẵn có và mong muốn được đóng góp vào sự phát triển của đất nước và quê hương, các bạn sẽ thực hiện thành công nhiệm vụ được giao.*

*Thưa các bạn!*

*Thành công của cuộc Tổng điều tra có phần đóng góp công sức đáng kể của đội ngũ cán bộ tham gia công tác kiểm tra, hiệu đính và ghi mã phiếu điều tra. Chúng tôi ghi nhận những đóng góp ấy và mong các bạn hợp tác với chúng tôi vì công việc chung của đất nước.*

*Một lần nữa, Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến các bạn.*

*Chúc các bạn và gia đình mạnh khỏe, hạnh phúc.*

**BAN CHỈ ĐẠO**

**TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG**

# PHẦN 1

## GIỚI THIỆU

### 1.1 GIỚI THIỆU VỀ TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở 2009

Tổng điều tra dân số và nhà ở vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2009 thu thập các thông tin cơ bản về dân số và nhà ở nhằm:

- Phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích và dự báo quá trình phát triển dân số và nhà ở trên phạm vi cả nước và từng địa phương;
- Đáp ứng nhu cầu thông tin đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2001-2010, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2011-2020 và giám sát thực hiện mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết;
- Cung cấp các số liệu cơ bản về dân số và nhà ở của các đơn vị hành chính nhỏ nhất, bổ sung nguồn số liệu cho các cuộc điều tra thường xuyên, cung cấp dàn mẫu và cơ sở dữ liệu dân số và nhà ở cho các mục đích nghiên cứu khác nhau trong 10 năm sau cuộc Tổng điều tra.

**Thời điểm điều tra:** 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009

#### **Đối tượng điều tra:**

- Tất cả người Việt Nam thường xuyên cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đến thời điểm điều tra, người Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép xuất cảnh ra nước ngoài trong thời hạn quy định;
- Các trường hợp chết (của hộ) đã xảy ra từ ngày 01 Tết Mậu Tý (ngày 7/2/2008 theo Dương Lịch) đến 0 giờ ngày 1/4/2009;
- Nhà ở của hộ dân cư.

#### **Phiếu điều tra:**

Có hai loại địa bàn điều tra: địa bàn điều tra toàn bộ và địa bàn điều tra mẫu. Tương ứng với mỗi loại địa bàn điều tra có một loại phiếu điều tra: phiếu toàn bộ cho các địa bàn điều tra toàn bộ và phiếu điều tra mẫu cho các địa bàn điều tra mẫu.

- Phiếu điều tra toàn bộ bao gồm 16 câu hỏi để thu thập thông tin của từng thành viên hộ như: tên, giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn, v.v...; và 8 câu hỏi thu thập thông tin về nhà ở của hộ.
- Phiếu điều tra mẫu, ngoài các câu hỏi như ở phiếu điều tra toàn bộ, còn thu thập thông tin về việc làm, thông tin về lịch sử sinh của phụ nữ 15-49 tuổi và thông tin về các trường hợp chết của hộ xảy ra từ ngày 7 tháng 2 năm 2008 đến (0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2009).

Trong phiếu điều tra có 4 loại câu hỏi: câu hỏi đóng, câu hỏi mở, câu hỏi vừa đóng vừa mở và câu kiểm tra.

Câu hỏi đóng: là những câu hỏi mà các phương án trả lời được thiết kế trước kèm theo “mã số”. Ví dụ: câu hỏi về giới tính chỉ có hai lựa chọn trả lời, đó là *Nam - 1; Nữ - 2*. Những

câu hỏi thiết kế như vậy được gọi là câu hỏi đóng. Đối với câu hỏi đóng, để chọn phương án trả lời chỉ cần gạch chéo (“x”) vào ô vuông nhỏ dành sẵn.

Câu hỏi mở: là những câu hỏi có nhiều phương án trả lời, không thể thiết kế dưới dạng câu hỏi đóng, như câu hỏi về công việc chính. Đối với những câu hỏi mở, phiếu điều tra dành sẵn chỗ trống để điều tra viên ghi câu trả lời của đối tượng điều tra vào đó. Câu trả lời có thể là số (mỗi số ghi vào một ô chữ nhật dành sẵn), hoặc chữ (ghi vào các dòng kẻ liền dành sẵn).

Câu hỏi vừa đóng vừa mở: là loại câu hỏi kết hợp câu hỏi đóng với câu hỏi mở.

Câu kiểm tra: là câu mà ở đó có một điều kiện cụ thể cần được kiểm tra và chuyển theo hướng dẫn.

Loại câu hỏi	Số thứ tự câu hỏi trong phiếu điều tra	Quy định ghi phiếu
Câu hỏi đóng	a) Thông tin về dân số: 2, 3, 10, 11, 12, 13, 16, 18, 19, 21, 22, 25, 28, 29, 30, 32 b) Thông tin về người chết: 35, 37, 40, 42 c) Thông tin về nhà ở: 43, 45, 48, 49, 50, 52, 53, 54, 55, 56 57	Một và chỉ một trong các ô mã ở phần trả lời được gạch chéo.
Câu hỏi mở	a) Thông tin về dân số: 1, 5 14, 23a/23b, 26, 27, 33a, 33b, 33c, 34a, 34b b) Thông tin về người chết: 36, 39 c) Thông tin về nhà ở: 46, 47	Ghi thông tin trả lời vào (các) ô hoặc (các) dòng kẻ liền dành sẵn.
Câu hỏi vừa đóng vừa mở	a) Thông tin về dân số: 4, 6, 7, 9 b) Thông tin về người chết: 38 c) Thông tin về nhà ở: 44, 51	Một và chỉ một trong các ô mã ở phần trả lời được gạch chéo, đồng thời ghi thông tin <i>cu thể</i> vào (các) ô hoặc (các) dòng kẻ liền dành sẵn, ở những mã có yêu cầu cụ thể.
Câu hỏi kiểm tra	a) Thông tin về dân số: 8, 15, 17, 31 b) Thông tin về người chết: 41	Kiểm tra một điều kiện nào đó, chuyển theo chỉ dẫn.

## 1.2 GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, HIỆU ĐÍNH VÀ GHI MÃ

Thông tin thu thập được của Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 sẽ được xử lý bằng máy quét tại các Trung tâm Tin học của Tổng cục Thống kê.

Quá trình xử lý số liệu là một chuỗi các hoạt động nhằm chuyển đổi các thông tin ghi được trên phiếu điều tra thành các thông tin thống kê. Nó bao gồm kiểm tra, ghi mã, quét phiếu vào máy tính, phát hiện sai sót, sửa sai, hiệu chỉnh, và lập biểu kết quả.

Phiếu điều tra đã được tổ trưởng điều tra kiểm tra tại địa bàn. Mặc dù vậy, phiếu vẫn có thể còn có sai sót, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng, chưa hợp lý. Bởi vậy, cần phải có công đoạn kiểm tra, hiệu đính (sửa chữa lỗi khi kiểm tra phát hiện ra) phiếu tại văn phòng điều tra, tức là tại các tỉnh để nâng cao chất lượng của thông tin thu thập. Công việc này được kết hợp với công tác ghi mã.

Việc xử lý thông tin bằng chữ là không thực tế, vì vậy phải có quá trình chuyển đổi các câu trả lời bằng chữ thành mã số. Việc làm này do cán bộ ghi mã thực hiện. Quá trình này gọi là quá trình ghi mã.

Việc ghi mã cho một số câu hỏi mở do điều tra viên thực hiện, ví dụ như Câu hỏi số 6 “Dân tộc”, Câu hỏi số 7 “Tôn giáo” và Câu hỏi số 9 “Nơi thường trú 5 năm trước”. Việc ghi mã cho một số câu hỏi mở khác do cán bộ kiểm tra và ghi mã thực hiện, ví dụ như Câu hỏi số 23 “Nghề nghiệp” và Câu hỏi 27 “Ngành kinh tế”.

Cũng như các công đoạn khác của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, hiệu đính và ghi mã phiếu điều tra cần phải được kiểm tra chất lượng một cách chặt chẽ. Công việc nào chưa đạt yêu cầu thì phải làm lại. Công tác giám sát chất lượng kiểm tra, hiệu đính và ghi mã được tổ trưởng kiểm tra và ghi mã thực hiện.

### 1.3 KIỂM TRA, HIỆU ĐÍNH VÀ GHI MÃ PHIẾU ĐIỀU TRA

Văn phòng Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở các tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức và theo dõi công tác kiểm tra, hiệu đính và ghi mã.

Công tác này được chia thành hai giai đoạn. Giai đoạn 1, phiếu của các địa bàn điều tra mẫu sẽ được kiểm tra, hiệu đính và ghi mã trước theo đơn vị hành chính cấp huyện (phiếu điều tra mẫu của một đơn vị cấp huyện là một lô). Chỉ lô phiếu nào được các tổ công tác của Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương nghiệm thu, lô phiếu sẽ được chuyển cho Trung tâm Tin học khu vực xử lý. Giai đoạn hai, sau khi tất cả các lô phiếu mẫu được giao cho Trung tâm Tin học, phiếu điều tra của các địa bàn điều tra toàn bộ của từng huyện được kiểm tra và hiệu đính. Thủ tục nghiệm thu và giao cho Trung tâm Tin học phiếu toàn bộ tương tự như ở giai đoạn 1.

Tùy vào quy mô dân số, định mức kiểm tra và kế hoạch kiểm tra, hiệu đính và ghi mã do Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương quy định, Ban chỉ đạo Tổng điều tra của tỉnh, thành phố huy động số lượng người tham gia phù hợp để thực hiện công việc. Lực lượng tham gia kiểm tra, hiệu đính và ghi mã sẽ được chia ra các tổ. Mỗi tổ gồm 1 tổ trưởng và 4 tổ viên. Nhiệm vụ của tổ trưởng là quản lý, giám sát chất lượng công việc của tổ.

Định mức hoàn thành kiểm tra, hiệu đính và ghi mã như sau:

	<u>Phiếu điều tra mẫu</u>	<u>Phiếu điều tra toàn bộ</u>
Phiếu của địa bàn thành thị	150 phiếu/công	500 phiếu/công
Phiếu của địa bàn nông thôn	250 phiếu/công	500 phiếu/công

### 1.4 GIỚI THIỆU CÁC DANH MỤC ĐỂ GHI MÃ

Ghi mã là việc chuyển những thông tin bằng chữ thành mã số, rồi ghi vào những vị trí quy định dựa vào các danh mục khác nhau. Sau đây, giới thiệu tóm tắt các danh mục sử dụng cho việc ghi mã phiếu Tổng điều tra.

#### 1.4.1 Danh mục các đơn vị hành chính

Danh mục này dùng để kiểm tra, hiệu đính và ghi mã cho phần định danh địa bàn điều tra và Câu hỏi số 9. Mã số của danh mục này gồm ba cấp như sau:

- a) Mã số của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh) gồm hai chữ số từ 01 đến 99;
- b) Mã số của huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gồm ba chữ số, từ 001 đến 999;
- c) Mã số của xã, phường, thị trấn gồm năm chữ số, từ 00001 đến 99999.

#### 1.4.2 Thành thị/nông thôn

Không có danh mục thành thị và nông thôn, song tên gọi đơn vị hành chính nhỏ nhất - xã/phường/thị trấn (trong tài liệu này gọi là xã) là cơ sở để phân biệt địa bàn điều tra thuộc khu vực thành thị hay nông thôn. Một địa bàn điều tra chỉ có thể là thuộc một trong hai loại sau: i). Thành thị (mã “1”), nếu địa bàn điều tra đó nằm trong phạm vi của phường hoặc thị trấn; ii). Nông thôn (mã “2”), nếu địa bàn điều tra đó thuộc xã. Quy định này dùng để ghi mã cho phần định danh địa bàn điều tra và để kiểm tra Câu hỏi số 10.

#### 1.4.3 Danh mục dân tộc

Danh mục này dùng để kiểm tra, hiệu đính và ghi mã cho Câu hỏi số 6. Mỗi dân tộc được biểu thị bằng một mã số gồm hai chữ số. Danh mục Dân tộc được trình bày ở Phụ lục 1.

#### 1.4.4 Danh mục các thành phần tôn giáo

Tôn giáo trong danh mục này được hiểu là một tổ chức gồm những người có chung niềm tin vào một giáo lý nhất định. Mã số của mỗi tôn giáo gồm hai chữ số (xem Phụ lục 2).

#### 1.4.5 Bảng chuyển đổi trình độ văn hóa

Bảng này (xem Phụ lục 3) dùng để kiểm tra, hiệu đính và ghi mã cho Câu hỏi 14 khi Câu 13 có mã số “1” hoặc “2” hoặc “4”. Mỗi lớp học văn hóa phổ thông được chuyển thành lớp học hệ 12 năm ký hiệu bằng một mã số gồm hai chữ số: 01, 02, ..., 12.

#### 1.4.6 Danh mục nghề nghiệp

Phân loại nghề nghiệp trước hết căn cứ vào tên công việc chính đã làm của từng nhân khẩu (phần trả lời của Câu hỏi 23) để phân họ vào một nhóm nghề thích hợp.

Hệ thống nghề nghiệp được phân loại dựa trên hai khái niệm chính: khái niệm về loại công việc đã làm và khái niệm về tay nghề.

**Loại công việc** là tập hợp các nhiệm vụ và trách nhiệm gắn liền với phương tiện để thực hiện nó. Loại công việc là cơ sở để phân loại nghề.

**Tay nghề** là khả năng thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm mà một nghề đòi hỏi. Tay nghề thể hiện trên 2 mặt:

- a) Trình độ tay nghề: là sự kết hợp của mức độ phức tạp và phạm vi mà các nhiệm vụ và trách nhiệm phải giải quyết;
- b) Đặc tính chuyên môn hóa: bao gồm lĩnh vực chuyên môn mà công việc đòi hỏi, các công cụ máy móc đã sử dụng, các nguyên vật liệu dùng trong sản xuất và loại sản phẩm, dịch vụ làm ra.

Để đảm bảo yêu cầu so sánh quốc tế, hệ thống phân loại nghề được chia ra 4 mức tay nghề khái quát:

- i) Mức tay nghề thứ nhất: không đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật;
- ii) Mức tay nghề thứ hai: tương ứng với trình độ chuyên môn kỹ thuật sơ cấp hoặc công nhân kỹ thuật;
- iii) Mức tay nghề thứ ba: tương ứng với trình độ trung học chuyên nghiệp hoặc cao đẳng;
- iv) Mức tay nghề thứ tư: tương ứng với trình độ đại học hoặc tương đương trở lên.

Việc sử dụng các phân tổ về trình độ học vấn để hình thành mức tay nghề không có nghĩa là tay nghề cần thiết cho việc thực thi các nhiệm vụ và trách nhiệm của một tay nghề chỉ có được thông qua đào tạo chính quy, mà tay nghề của một người còn có thể có được thông qua đào tạo không chính quy hoặc do tích lũy kinh nghiệm. Hơn nữa, cần nhấn mạnh rằng, hệ thống phân loại nghề tập trung phản ánh mức tay nghề cần thiết cho việc thực thi nhiệm vụ và trách nhiệm của một nghề, nó không quan tâm đến việc giải thích người lao động này có tay nghề cao hơn hay thấp hơn so với người khác trong cùng một nghề.

Mã số của Danh mục nghề gồm 4 cấp: cấp 1 có 10 nhóm nghề, cấp 2 có nhóm nghề được chia nhỏ từ 10 nhóm nghề cấp 1, tương tự cấp 3 có nhóm nghề và cấp 4 có nhóm nghề. Mã số cấp 1 gồm 1 chữ số; mã số cấp 2 gồm 2 chữ số; mã số cấp 3 gồm 3 chữ số và mã số cấp 4 gồm 4 chữ số. Tóm tắt như sau:

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mức tay nghề thứ
1. Nhà lãnh đạo trong các ngành các cấp và các đơn vị	8	23	86	-
2. Nhà chuyên môn kỹ thuật bậc cao	6	27	96	4
3. Kỹ thuật viên (nhà chuyên môn bậc trung)	6	24	89	3
4. Nhân viên trợ lý văn phòng	4	8	29	2
5. Nhân viên dịch vụ bán hàng	4	13	40	2
6. Lao động có kỹ năng trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3	9	18	2
7. thợ thủ công và các nghề nghiệp có liên quan	5	14	66	2
8. thợ lắp ráp và vận hành máy móc thiết bị	3	14	40	2
9. Lao động giản đơn	6	11	33	1
10. Lực lượng quân đội	3	3	3	-
<b>Tổng số</b>	<b>48</b>	<b>146</b>	<b>500</b>	

Khái niệm mức tay nghề không áp dụng cho những người thuộc nhóm 1 (Nhà lãnh đạo) và nhóm 0 (Lực lượng quân đội). Bởi vì trình độ thực thi các nhiệm vụ và trách nhiệm thuộc hai nhóm nghề này rất khác nhau và không thể so sánh với bất kỳ một nhóm tay nghề nào đã nêu trên đây.

Việc tiếp tục chia nhỏ các nhóm nghề cấp 1 cơ bản dựa trên đặc tính chuyên môn hóa, được xác định bằng cách xét đến lĩnh vực chuyên môn mà công việc đòi hỏi, các công cụ và máy móc đã sử dụng, các nguyên vật liệu dùng trong sản xuất, loại sản phẩm và dịch vụ đã làm ra.

Trong cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, nghề nghiệp chỉ ghi mã đến (nhóm) nghề cấp 3.

#### 1.4.7 Hệ thống ngành kinh tế

Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam được dùng để ghi mã cho câu hỏi 27. Danh mục này gồm 5 cấp như sau:

- + Ngành cấp 1 gồm 21 ngành được mã hóa theo bảng chữ cái lần lượt từ A đến U;
- + Ngành cấp 2 gồm 88 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng hai chữ số theo từng ngành cấp một tương ứng;
- + Ngành cấp 3 gồm 242 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng ba chữ số theo từng ngành cấp hai tương ứng;
- + Ngành cấp 4 gồm 437 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng bốn chữ số theo từng ngành cấp ba tương ứng;
- + Ngành cấp 5 gồm 642 ngành; mỗi ngành được mã hóa bằng năm chữ số theo từng ngành cấp 4 tương ứng.

Trong cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, ngành kinh tế chỉ ghi mã đến (nhóm) nghề cấp 3.

## PHẦN 2

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### 2.1 Nhiệm vụ của cán bộ kiểm tra, hiệu đính và ghi mã

Cán bộ kiểm tra, hiệu đính và ghi mã (từ đây về sau gọi là mã số viên) có những nhiệm vụ sau đây:

- (1) Dự lớp tập huấn về kiểm tra, hiệu đính và ghi mã; đọc kỹ “Sổ tay ghi mã”;
- (2) Tiếp nhận phiếu của các địa bàn điều tra từ tổ trưởng và phục tùng sự phân công và chỉ đạo của tổ trưởng;
- (3) Tiến hành kiểm tra, hiệu đính và ghi mã phiếu điều tra dân số theo quy định.
- (4) Khi hoàn thành một địa bàn, phiếu điều tra phải được sắp xếp theo trật tự và giao lại cho tổ trưởng; và
- (5) Gặp trường hợp phức tạp mà bản thân chưa biết cách xác định hoặc còn nghi ngờ, cần bàn bạc với Tổ trưởng và/hoặc các thành viên khác trong tổ.

#### 2.2 Một số quy định cụ thể

- i) Kiểm tra, hiệu đính là xem xét mức độ đầy đủ, chính xác của thông tin ghi trên phiếu. Nếu cần thiết phải sửa chữa thì phải căn cứ vào những thông tin thực tế ghi trên phiếu của người đó hoặc của những người khác trong cùng hộ hoặc trong cùng địa bàn, và phải sửa theo quy định.
- ii) Mã số viên dùng bút bi mực đen và băng xóa để làm việc;
- iii) Khi ghi vào phiếu, chữ hoặc số phải được ghi một cách rõ ràng, chân phương, dễ đọc, không được viết ngoáy; khi gạch chéo các mã ở câu hỏi đóng, phải gạch chéo “x” trong phạm vi của ô đó.

Ví dụ các số ghi vào trong ô mã như sau:

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

- iv) Ghi mã là việc chuyển các thông tin ghi bằng chữ thành mã số dựa vào danh mục thích hợp và ghi vào các ô dành sẵn. Khi ghi mã, mỗi ô chỉ được ghi một số.

Cách viết đúng 

2	5	7
---	---	---

, cách viết sai 

	2	57
--	---	----

- v) Khi ghi mã, số ghi vào ô mã phải ghi rõ ràng như cách viết phổ thông (0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9), không được viết ngoáy.

- vi) Loại bỏ thông tin sai, ghi thông tin đúng thay thế bằng cách sau:

Bước 1: Dùng băng xóa để xóa thông tin sai.

Bước 2: Ghi thông tin đúng thay thế.



*Lưu ý:* trong trường hợp phải ghi thông tin đúng để thay thế thông tin sai vào trong cùng một ô, thì khi dùng băng xóa, không nên xóa toàn bộ các đường viền của ô, nên giữ lại bốn góc định vị, để khi ghi lại thông tin có thể ghi vào trong ô. Trong trường hợp không ghi thông tin vào ô, thì có thể xóa cả đường viền của ô.

- vii) Cố gắng đối chiếu trực tiếp thông tin ghi trên phiếu với một nhóm chi tiết ghi trong danh mục tương ứng. Trong trường hợp chọn được một nhóm cấp trên phù hợp, song không tìm được nhóm chi tiết trong nhóm cấp trên đó, thì cần trao đổi với tổ trưởng để có giải pháp phù hợp.
- viii) Phải chú ý đến những trường hợp còn nghi ngờ, đặc biệt là những câu trả lời phải xếp vào nhóm *khác* trong Danh mục (cần lưu ý xem xét thông tin cụ thể và thông tin liên quan để hạn chế xếp vào nhóm khác).

### **2.3 Cách sắp xếp phiếu khi hoàn thành**

Phiếu của Tổng điều tra sẽ được nhập tin bằng công nghệ nhận biết ký tự thông minh, tức là phiếu điều tra sẽ được đọc bằng máy quét. Vì vậy, công nghệ này có những đòi hỏi riêng khác với các cuộc điều tra trước. Như đã nói ở trên, Tổng điều tra có 2 loại phiếu. Mỗi loại phiếu có một cách sắp xếp riêng. Cụ thể như sau:

#### ***a) Đối với phiếu mẫu***

Phiếu điều tra mẫu được sắp xếp theo trật tự sau:

- i) Phiếu điều tra mẫu được đóng theo tập khổ A4, sắp xếp phiếu theo trật tự tăng dần của “Hộ số”. Ngoại trừ những hộ ở chung nhà, phiếu của các hộ đó phải được xếp liền nhau của “Hộ số” nhỏ nhất ở vị trí đầu và phiếu có số thứ tự lớn nhất ở vị trí dưới cùng. ***Lưu ý: hộ có 2 tập phiếu trở lên, không được lồng các tập phiếu vào nhau mà xếp rời từng tập phiếu theo thứ tự tăng dần của số thứ tự tập phiếu trong hộ;***
- ii) Bỏ vào túi bảo quản;
- iii) Đưa vào cặp ba dây, buộc lại.

#### ***b) Đối với phiếu toàn bộ***

Phiếu điều tra toàn bộ được sắp xếp theo trật tự sau:

- i) Phiếu toàn bộ được in theo khổ giấy A3, sắp xếp phiếu theo trật tự tăng dần của “Hộ số”, tờ phiếu có số thứ tự bé nhất ở vị trí dưới cùng (mặt định danh của tờ phiếu ở phía không nhìn được – phía dưới). Nếu hộ có 2 tờ phiếu trở lên không được ghim, dán các tờ phiếu vào nhau mà chỉ xếp lần lượt theo thứ tự tăng dần của các tờ phiếu trong hộ;
- ii) Sau khi sắp xếp xong ở bước (i), tất cả các phiếu của một địa bàn được gập đôi lại thành tập phiếu có kích thước A4;
- iii) Bỏ vào túi bảo quản;
- iv) Đưa vào cặp ba dây, buộc lại.

### **2.4 Cách sửa lỗi**

Các biện pháp sửa lỗi được trình bày ở mỗi câu hỏi. Song đó chỉ là những hướng dẫn cơ bản nhất. Khi gặp lỗi, cần phải xem *kỹ* thông tin đã ghi trên phiếu ở những câu hỏi có liên quan của bản thân người đó, cũng như của những người khác trong hộ hoặc của địa bàn để

tìm giải pháp sửa tốt nhất. Nếu có gì vướng mắc, cần trao đổi với đồng nghiệp hoặc tổ trưởng để giải quyết. Không được sửa chữa một cách tùy tiện theo cảm tính.

***Cần lưu ý là:***

- i) Thông tin của từng người được ghi theo cột ở tất cả các trang, tức là thông tin của một người được ghi ở cột thứ (m) ở trang thứ nhất, thì thông tin của người đó cũng phải được ghi ở đúng cột thứ (m) của các trang khác còn lại.

Đối với các địa bàn mẫu, thông tin về việc làm của người từ 15 tuổi trở lên, lịch sử sinh của phụ nữ 15-49 tuổi phải được ghi đúng cột đã ghi thông tin của chính người đó.

Vì vậy, khi phát hiện sai cột cần sửa lại cho đúng. Loại bỏ cột bằng cách dùng băng xóa xóa thông tin ở cột đó.

- ii) Như đã nói ở trên, bộ đội, công an và cán bộ ngoại giao của nước ta không đăng ký ở phiếu điều tra do Ban chỉ đạo tổng điều tra tỉnh, thành phố quản lý (những đối tượng này do Ban chỉ đạo tổng điều tra Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ Ngoại giao đăng ký). Vì vậy, khi phát hiện ra những trường hợp sai kiểu trên, cần loại bỏ khỏi phiếu điều tra bằng cách dùng băng xóa xóa thông tin (ở tất cả các trang) của những trường hợp đó.

## PHẦN 3

# GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, HIỆU ĐÍNH VÀ GHI MÃ

Công tác kiểm tra, hiệu đính và ghi mã phiếu điều tra cần được giám sát một cách chặt chẽ. Công việc này được giao cho tổ trưởng ghi mã. Tổ trưởng phải là người vừa am hiểu nghiệp vụ, vừa là người có tinh thần trách nhiệm trong công việc và được các thành viên trong tổ tin cậy

### ***3.1 Nhiệm vụ của tổ trưởng***

Tổ trưởng có các nhiệm vụ sau:

- 1) Dự lớp tập huấn về kiểm tra, hiệu đính và ghi mã;
- 2) Chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc của tổ;
- 3) Phân công công việc cho các thành viên trong tổ và thực hiện ghi chép đầy đủ để theo dõi tiến độ công việc;
- 4) Kiểm tra chất lượng theo quy định, không để tổ viên làm ẩu, làm không đúng quy định;
- 5) Khi chỉ ra lỗi, cần cố gắng giải thích rõ để tổ viên có thể sửa chữa những sai sót tương tự về sau;
- 6) Thường xuyên bàn bạc dân chủ trong tổ trước khi quyết định một vấn đề cần uốn nắn, duy trì tinh thần làm việc tích cực của các tổ viên.

### ***3.2 Quy trình xử lý phiếu của tổ trưởng***

Bước 1: Kiểm tra định danh của từng địa bàn điều tra (ĐBĐT);

Bước 2: Giao phiếu cho tổ viên theo ĐBĐT;

Bước 3: Nhận phiếu của ĐBĐT đã hoàn thành;

Bước 4: Kiểm tra chất lượng ĐBĐT đã hoàn thành.

### ***3.3 Các thủ tục giám sát chất lượng***

**Bước 1:** Kiểm tra định danh địa bàn điều tra

Kiểm tra toàn bộ thông tin và mã số ghi cho phần định danh của từng địa bàn trước khi giao cho tổ viên. Nếu thông tin hoặc mã số nào còn sót thì sửa lại cho đúng. Danh mục hành chính được dùng để xác định mã số đơn vị hành chính các cấp.

**Bước 2:** Giao phiếu cho tổ viên

Trong hệ thống phần mềm quản lý địa bàn và bảng kê do Trung tâm Tin học Thống kê viết, cấp cho cấp tỉnh có phần giao nhận phiếu cho từng người kiểm tra ghi mã. Tổ trưởng trực tiếp sử dụng chức năng của chương trình để vào sổ giao nhận phiếu kiểm tra, hiệu đính và ghi mã.

Việc giao phiếu cho tổ viên được thực hiện theo địa bàn và theo đơn vị hành chính. Tức là giao theo từng địa bàn của một đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, hết đơn vị hành chính này mới chuyển sang đơn vị hành chính khác.

Khi giao phiếu cho tổ viên, phải ghi vào phần đầu sổ và các cột A, Cột (1) đến Cột (7) của “Sổ phân công công việc” (Phụ lục 4). Các thông tin đó ghi cho mỗi địa bàn một hàng như sau:

- i) Phần đầu sổ:
  - Ghi tên tỉnh/thành phố và mã số tương ứng vào vị trí dành sẵn;
  - Ghi họ tên của tổ trưởng;
- ii) Cột A: Ghi mã số xã/phường/thị trấn;
- iii) Cột (1): Ghi số thứ tự địa bàn điều tra;
- iv) Cột (2)/(3): Đánh dấu “x” vào Cột (2) hoặc Cột (3) một cách thích hợp;
- v) Cột (4)/(5): Đánh dấu “x” vào Cột (4) hoặc (5) một cách thích hợp;
- vi) Cột (6): Ghi tên mã số viên nhận tài liệu;
- vii) Cột (7): Ghi ngày giờ nhận tài liệu.

**Bước 3:** Nhận phiếu của ĐBĐT đã hoàn thành

Khi tổ viên hoàn thành việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã phiếu của một ĐBĐT, phiếu của ĐBĐT đó giao lại cho Tổ trưởng. Khi nhận, Tổ trưởng ghi một số thông tin vào các Cột (8) đến Cột (12) của “Sổ phân công công việc”. Lưu ý là phải ghi đúng vào hàng của ĐBĐT đó. Những thông tin đó được ghi như sau:

- i) Cột (8): Ghi ngày, giờ nhận tài liệu từ tổ viên;
- ii) Cột (9): Ghi số hộ của ĐBĐT;
- iii) Cột (10): Ghi số người của ĐBĐT;
- ii) Cột (11): Ghi lần kiểm tra số;
- iii) Cột (12): Ghi tình trạng “Hoàn thành” (khi Phiếu của địa bàn điều tra do mã số viên kết thúc khâu kiểm tra, hiệu đính và ghi mã đạt yêu cầu của kiểm tra chất lượng) hoặc “Trả lại” (khi phiếu không đạt chất lượng).

**Bước 4:** Kiểm tra chất lượng ĐBĐT đã hoàn thành

Đối với ĐBĐT đã hoàn thành việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã cần tiến hành kiểm tra chất lượng công việc mà tổ viên đã thực hiện. Việc kiểm tra chất lượng được tiến hành đối với 20% số hộ của ĐBĐT. Số hộ này được chọn ngẫu nhiên. Đối với mỗi hộ đã chọn, tất cả các thông tin ghi trên phiếu được kiểm tra lại một lần nữa, công việc lúc này giống như quá trình kiểm tra, hiệu đính và ghi mã.

Khi kiểm tra chất lượng, người kiểm tra cần ghi vào “Phiếu kiểm tra chất lượng”, mỗi “Phiếu kiểm tra chất lượng” (xem Phụ lục 5) được ghi cho một ĐBĐT. Ví dụ:

## PHIẾU KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

*Dùng cho công tác kiểm tra, hiệu đính và ghi mã*

TỈNH/THÀNH PHỐ: \_\_\_\_\_ SỐ HỘ CỦA ĐBĐT: \_\_\_\_\_  
HUYỆN/QUẬN: \_\_\_\_\_ SỐ HỘ KIỂM TRA 20%: \_\_\_\_\_  
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN: \_\_\_\_\_ NGÀY KIỂM TRA: \_\_\_\_\_  
ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA SỐ: \_\_\_\_\_

STT	Hộ số	Người (số thứ tự câu hỏi có lỗi)	Tổng số lỗi của hộ	Số lỗi đã sửa	Số người của hộ	Có trao đổi với cán bộ kiểm tra, hiệu đính và ghi mã
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Tổng	S1		S3	

Tỷ lệ sai sót (%) =  $S1 \times 100 / S3 = \dots < 5\%$  chấp nhận được   
 $\geq 5\%$  Trả lại cho cán bộ ghi mã

**Kiểm tra lần thứ.....**

**Tổ trưởng ký tên:.....**

- i) Phần đầu: Ghi các thông tin và mã định danh (tỉnh/thành phố; huyện/quận/ thị xã/ thành phố thuộc tỉnh, xã/phường/thị trấn, địa bàn điều tra số). Ngoài ra, còn phải ghi một số thông tin khác như: số hộ của ĐBĐT, số hộ kiểm tra (bằng 20% số hộ của ĐBĐT), ngày kiểm tra.
- ii) Các cột: Ghi cho mỗi hộ một hàng như sau:
  - a) Cột A: ghi số thứ tự hộ kiểm tra;
  - b) Cột 1: ghi “hộ số” trên phiếu điều tra vào cột 1;
  - c) Cột 2: ghi lỗi “người(số thứ tự câu hỏi)”. Lỗi được xem là tất cả các loại sai sót ở những câu hỏi phải kiểm tra, hiệu đính và ghi mã (xem Sổ tay Ghi mã).

Ví dụ:

- 1) B(nữ): lỗi của tờ bìa ở mục “Số nữ”;
- 2) 2(8): lỗi của người thứ 2 ở Câu hỏi số 8;
- 3) 4(12): lỗi của người thứ 4 ở Câu hỏi số 12;
- 4) NƠ(42) lỗi của phần nhà ở Câu hỏi số 42.

- d) *Cột 3*: Tổng số lỗi của một hộ được ghi vào *Cột (3)*;
- e) *Cột 4*: Số lỗi do tổ trưởng sửa được;
- f) *Cột 5*: Ghi số người của hộ;
- g) *Cột 6*: Ghi “có” nếu tổ trưởng có trao đổi về những lỗi đã phát hiện ra với mã số viên, ghi “không” trong trường hợp ngược lại.

iii) Tính toán tỷ lệ sai sót: Tỷ lệ này được tính sau khi đã tiến hành kiểm tra cho tất cả các hộ đã chọn để kiểm tra chất lượng của ĐBĐT. Cách tính và xử lý như sau:

a) *Tính tổng số lỗi S1* (tổng số lỗi của hộ kiểm tra ở *Cột 3*) và tính tổng số S3 (tổng số người của các hộ kiểm tra ở *Cột 5*).

b) *Tỷ lệ sai sót (%)* =  $(S1/S3) \times 100$  (lấy đến 1 chữ số sau dấu phẩy thập phân)

- Nếu tỷ lệ sai sót < 5% thì chất lượng của ĐBĐT này là chấp nhận được.

Ví dụ: cách ghi vào phần cuối của phiếu kiểm tra chất lượng:

Tỷ lệ sai sót = 4,1% < 5% - chấp nhận được

≥ 5% - Trả lại cho cán bộ ghi mã

- Nếu tỷ lệ sai sót ≥ 5 thì phải trả lại cho mã số viên để kiểm tra lại toàn bộ phiếu của địa bàn đó.

Ví dụ: Tỷ lệ sai sót = 6,8% < 5% - Chấp nhận được

≥ 5% - Trả lại cho cán bộ ghi mã

### 3.4 Các thủ tục theo dõi tiếp theo

a) *Đối với các địa bàn đạt chất lượng*:

Sau khi kiểm tra chất lượng, nếu công việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã của một ĐBĐT đạt chất lượng, một số thủ tục ghi chép vào “Phiếu kiểm tra chất lượng” và “Sổ phân công công việc” được tiến hành như sau:

- Đối với “Phiếu kiểm tra chất lượng”, tổ trưởng điền lần kiểm tra vào “Kiểm tra lần thứ”, rồi ký tên.
- Đối với “Sổ phân công công việc”, điền lần kiểm tra vào *Cột (11)* và chữ “HT” (Hoàn thành) vào *Cột (12)*.

Việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã đối với địa bàn này đến đây là kết thúc. Chuyển phiếu đến nơi lưu trữ.

b) *Đối với các địa bàn chưa đạt chất lượng*

Sau khi kiểm tra chất lượng, nếu công việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã của một ĐBĐT chưa đạt yêu cầu thì một số thủ tục ghi chép vào “Phiếu kiểm tra chất lượng” và “Sổ phân công công việc” được tiến hành như sau:

- Đối với “Phiếu kiểm tra chất lượng”, tổ trưởng điền lần kiểm tra vào “Kiểm tra lần thứ” rồi ký tên.
- Đối với “Sổ phân công công việc”, điền lần kiểm tra vào Cột (11) và chữ “Trả lại” vào Cột (12) (tức là phiếu của ĐBĐT trả lại cho mã số viên kiểm tra lại, hiệu đính và ghi mã lại).

Trong trường hợp trả lại, cán bộ kiểm tra, hiệu đính và ghi mã phải xem xét lại toàn bộ phiếu của ĐBĐT. Khi hoàn thành giao lại cho tổ trưởng, quá trình kiểm tra chất lượng được tiến hành lại. (*Lưu ý là khi kiểm tra chất lượng từ hai lần trở đi, không chọn lại những hộ đã chọn ở các lần kiểm tra trước*).

“Phiếu kiểm tra chất lượng” được ghi chép cho mỗi lần kiểm tra chất lượng phiếu của một ĐBĐT. Tất cả “Phiếu kiểm tra chất lượng” của một ĐBĐT được lưu trữ kèm theo phiếu của ĐBĐT đó.

### **3.5 Quản lý phiếu điều tra**

Một số điểm liên quan đến việc bảo quản tài liệu điều tra đã được trình bày trong Công văn hướng dẫn “Kế hoạch bảo quản, bàn giao tài liệu và tổng hợp sơ bộ”. Phần này chỉ trình bày những biện pháp lưu trữ phiếu ở kho của tỉnh/thành phố một cách ngăn nắp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác ghi mã.

#### **(1) Lưu trữ phiếu**

##### *a) Đối với phiếu điều tra mẫu*

- Khi nhận phiếu từ các huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh (trong tài liệu này gọi là huyện) chuyển về, phiếu điều tra được để ở một khu vực riêng để tiến hành ghi mã trước.
- Đối với từng đơn vị cấp huyện, phiếu điều tra được để riêng biệt theo xã/phường/thị trấn (gọi là cấp xã) dựa vào danh mục hành chính, trong từng xã sắp xếp theo trật tự “Địa bàn điều tra số” từ nhỏ đến lớn.

##### *b) Đối với phiếu điều tra toàn bộ*

- Phiếu điều tra toàn bộ được lưu trữ cho mỗi đơn vị cấp huyện của tỉnh/thành phố một khu vực riêng;
- Trong mỗi đơn vị cấp huyện, phiếu được để riêng biệt theo xã dựa vào danh mục hành chính;
- Trong mỗi đơn vị cấp xã, phiếu được để theo trật tự “Địa bàn điều tra số” từ nhỏ đến lớn.

## SƠ ĐỒ KHO LƯU TRỮ

### PHIẾU ĐIỀU TRA MẪU

Huyện 1 (theo địa bàn)	Huyện 2 (theo địa bàn)	.....	Huyện N (theo địa bàn)
---------------------------	---------------------------	-------	---------------------------

#### Phiếu điều tra toàn bộ

Huyện 1	Xã 1 (theo trật tự địa bàn)	Xã 2 (theo trật tự địa bàn)	.....	Xã M <sub>1</sub> (theo trật tự địa bàn)
.....				
Huyện 2	Xã 1 (theo trật tự địa bàn)	Xã 2 (theo trật tự địa bàn)	.....	Xã M <sub>2</sub> (theo trật tự địa bàn)
.....				
Huyện N	Xã 1 (theo trật tự địa bàn)	Xã 2 (theo trật tự địa bàn)	.....	Xã M <sub>N</sub> (theo trật tự địa bàn)

#### (2) Giao phiếu và nhận phiếu trong giai đoạn ghi mã

Khi giao phiếu cho mã số viên, phiếu được lấy từ kho ra theo địa bàn và theo đơn vị hành chính. Tức là theo địa bàn, hết phiếu của xã này mới đến phiếu của xã khác; hết phiếu của huyện này mới đến phiếu của huyện khác.

Phiếu của địa bàn điều tra đã hoàn thành (tức là đã kiểm tra, hiệu đính và ghi mã xong; tổ trưởng đã kiểm tra chất lượng theo quy định và phiếu của địa bàn điều tra đạt yêu cầu) được mang trở lại vị trí cũ khi lấy đi từ kho lưu trữ. Chỉ khi phiếu của huyện nào đó đã giao cho Trung tâm Tin học, thì vị trí đó có thể được sử dụng lại cho phiếu của huyện khác.

Để thuận tiện cho việc tìm kiếm, mã đầy đủ của địa bàn điều tra nên được ghi ở gáy của cặp đựng phiếu của địa bàn điều tra đó. Mã số đó gồm 13 chữ số theo trật tự sau: 2 chữ số mã tỉnh, 3 chữ số mã huyện, 5 chữ số mã xã và 3 chữ số mã địa bàn (địa bàn điều tra số). Mã này nên viết đủ lớn để có thể nhìn thấy nếu đứng trong phạm vi 5m. Khi xếp phiếu, nên xếp gáy có mã nói trên ra phía ngoài, để thuận tiện cho việc tìm kiếm.

Việc ghi mã đầy đủ của địa bàn có thể được thực hiện như sau: i). Dùng bút xóa nước màu trắng ghi lên gáy cặp ba dây màu sẫm (hoặc dùng bút màu sẫm viết lên gáy màu sáng của cặp ba dây)<sup>1</sup>; ii). Viết mã số vào giấy rồi dán chặt vào gáy của cặp ba dây.

#### 3.6 Nghiệm thu phiếu đã được kiểm tra, hiệu đính và ghi mã

Văn phòng Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương sẽ cử các đội công tác xuống các tỉnh/thành phố nghiệm thu phiếu điều tra đã được kiểm tra, hiệu đính và ghi mã.

- Giai đoạn 1: Phiếu mẫu của một huyện được gọi là lô. Nghiệm thu phiếu điều tra mẫu theo huyện của tỉnh;

<sup>1</sup> Tùy theo cặp ba dây được cung cấp là loại nào.



- Giai đoạn 2: Phiếu toàn bộ của một huyện được gọi là lô. Nghiệm thu phiếu điều tra toàn bộ theo từng huyện.

Chỉ những lô phiếu nào được nghiệm thu mới được phép chuyển về Trung tâm Tin học khu vực.

Nguyên tắc nghiệm thu phiếu là:

*a) Kiểm tra ngẫu nhiên*

- Đối với phiếu mẫu của một huyện, kiểm tra ngẫu nhiên 1/2 số địa bàn, mỗi địa bàn kiểm tra 1/10 số hộ;
- Đối với phiếu toàn bộ của một huyện, sẽ chọn ra 1/2 số xã, mỗi xã chọn 1/2 số địa bàn, mỗi địa bàn kiểm tra ngẫu nhiên 1/5 số hộ.

*b) Cách kiểm tra:* Kiểm tra và tính sai sót như cách của Tổ trưởng ghi mã.

*c) Nghiệm thu:*  $\geq 5\%$  số địa bàn thuộc mẫu kiểm tra ngẫu nhiên không đạt chất lượng được coi là lô phiếu không đạt chất lượng và không được nghiệm thu. Lô phiếu không được nghiệm thu sẽ phải làm lại. Trong quá trình nghiệm thu, nếu thấy số lượng địa bàn không đạt chất lượng  $\geq 5\%$ , việc nghiệm thu sẽ dừng lại.

Lưu ý: đối với lô phiếu nghiệm thu lần thứ hai trở lên, các thủ tục chọn các đơn vị hành chính, chọn địa bàn sẽ được tiến hành một cách ngẫu nhiên. Nghĩa là có thể hoàn toàn không trùng, có thể trùng một phần với các đơn vị hành chính và địa bàn của cách chọn ngẫu nhiên trong (các) lần nghiệm thu trước đó.

## PHẦN 4

### HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, HIỆU ĐÍNH VÀ GHI MÃ

Phiếu điều tra của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 được thiết kế để kê khai cho từng người, thông tin về *mỗi người* được ghi vào *một cột*. Một tờ phiếu có thể dùng để kê khai cho nhiều nhất là 6 người, hộ nào có trên 6 người thì phải dùng nhiều hơn một tờ phiếu. Trong trường hợp này, các tờ phiếu được xếp gần nhau.

#### ***4.1 Quy trình kiểm tra, hiệu đính và ghi mã***

Kiểm tra, hiệu đính và ghi mã được tiến hành theo từng địa bàn, trong mỗi địa bàn được tiến hành theo từng hộ; đối với mỗi hộ được tiến hành theo từng người, với mỗi người được tiến hành theo từng câu hỏi theo trật tự từ nhỏ đến lớn.

##### *Đối với phiếu điều tra mẫu*

Việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã phiếu điều tra mẫu được tiến hành theo trật tự sau:

- i) Kiểm tra, hiệu đính và ghi mã Êtêkét ĐBĐT, sắp xếp phiếu theo trật tự tăng dần của số thứ tự hộ.
- ii) Kiểm tra, hiệu đính và ghi mã trang bìa của một hộ (bắt đầu là có số thứ tự bé nhất).
- iii) Kiểm tra, hiệu đính và ghi mã cho người thứ nhất của hộ từ Câu hỏi số 1 đến hết Phần 1 “Thông tin về dân số”.
- iv) Quay lại Bước “iii” đối với người tiếp theo, nếu hộ còn thành viên; ngược lại chuyển sang Bước “v”.
- v) Kiểm tra, hiệu đính và ghi mã Phần 2, nếu có người chết, tiến hành đối với từng người chết, cho đến người chết cuối cùng, chuyển Bước “vi”; nếu không có người chết, chuyển Bước “vii”.
- vi) Kiểm tra, hiệu đính và ghi mã Phần 3 theo trật tự câu hỏi, từ Câu 43 đến Câu 57.
- vii) Chuyển Bước “ii” đối với hộ tiếp theo, nếu chưa là hộ cuối trong địa bàn; ngược lại chuyển Bước “viii”.
- viii) Sắp xếp, đóng gói phiếu theo quy định, giao cho Tổ trưởng. Nhận phiếu của địa bàn khác từ tổ trưởng.

##### *Đối với phiếu toàn bộ*

- i) Kiểm tra, hiệu đính và ghi mã Êtêkét ĐBĐT, sắp xếp phiếu theo trật tự tăng dần của số thứ tự hộ.
- ii) Kiểm tra, hiệu đính và ghi mã phần định danh của một hộ (bắt đầu là có số thứ tự bé nhất).
- iii) Kiểm tra, hiệu đính và ghi mã cho người thứ nhất của hộ từ Câu hỏi số 1 đến hết Phần 1 “Thông tin về dân số”.
- iv) Quay lại Bước “iii” đối với người tiếp theo, nếu hộ còn thành viên; ngược lại chuyển sang bước “v”.

- v) Kiểm tra, hiệu đính và ghi mã Phần 3 theo trật tự câu hỏi, từ Câu 43 đến Câu 51. Chuyển Bước “ii” đối với hộ tiếp theo, nếu chưa là hộ cuối trong địa bàn; ngược lại chuyển Bước “vi”.
- vi) Sắp xếp, đóng gói phiếu theo quy định, giao cho Tổ trưởng. Nhận phiếu của địa bàn khác từ tổ trưởng.

#### **4.2 Hướng dẫn kiểm tra, hiệu đính và ghi mã phiếu điều tra mẫu**

##### 4.2.1 Kiểm tra, hiệu đính êtêkét ĐBĐT, sắp xếp phiếu theo trật tự tăng dần của số thứ tự hộ

###### Kiểm tra, hiệu đính êtêkét ĐBĐT

Mỗi ĐBĐT phải có một êtêkét với đầy đủ thông tin ở phía ngoài của cặp ba dây chứa phiếu của ĐBĐT. Kiểm tra để đảm bảo đủ thông tin và mã số ghi trên êtêkét là đúng.

Thông tin hoặc mã số nào thiếu thì xác minh và bổ sung. Danh mục các đơn vị hành chính và quy định thành thị/nông thôn được dùng để kiểm tra, hiệu đính và ghi mã êtêkét địa bàn điều tra.

###### Sắp xếp phiếu

- i) Sắp xếp phiếu của ĐBĐT theo số thứ tự hộ tăng dần, trừ những hộ ở chung nhà (đã đề cập ở trên). Hộ có 2 tập phiếu trở lên, không được lồng các tập phiếu vào nhau mà xếp rời từng tập phiếu theo thứ tự tăng dần của số thứ tự tập phiếu trong hộ;
- ii) Mỗi hộ chỉ có một “Số thứ tự hộ”.
- iii) Nếu có nhiều hộ có cùng một “Số thứ tự hộ”, thì sửa như sau:
  - Lấy một hộ có “Số thứ tự hộ” như đã ghi trên phiếu;
  - Các hộ khác phải sửa lại “Số thứ tự hộ”, bằng cách: “Số thứ tự hộ” mới = “Số thứ tự hộ” cao nhất đã có của địa bàn + 1 .

Sau khi đã hoàn thành phần sắp xếp phiếu, cộng lại chỉ tiêu “Tổng số hộ”, “Tổng số phiếu của địa bàn điều tra”. Kiểm tra kết quả vừa tính toán được với số tương ứng đã ghi ở êtêkét, nếu sai thì sửa theo số liệu vừa tính.

##### 4.2.2 Kiểm tra, hiệu đính và ghi mã trang bìa của phiếu

Kiểm tra để đảm bảo đủ thông tin và mã số ghi ở trang bìa phiếu điều tra của mỗi hộ. Đếm lại số khẩu, số nam, số nữ ghi trong tập phiếu và kiểm tra với số đã ghi trên trang bìa. Với câu “Đây là tập phiếu số ... trong ... tập phiếu của hộ” cần kiểm tra với các tập phiếu bên cạnh để xác định số tập phiếu của hộ và thông tin về tập phiếu có chính xác không, các tờ phiếu của cùng một hộ có ghi “Hộ số” trùng nhau không. Thông tin hoặc mã số nào thiếu hoặc sai thì bổ sung hoặc sửa lại theo thông tin tương ứng ghi ở êtêkét ĐBĐT.

##### 4.2.3 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 2 “Quan hệ với chủ hộ” và Câu hỏi 3: “Giới tính”

## Câu hỏi 2:

### i) Trích phiếu

2. [TÊN] có quan hệ thế nào với chủ hộ?	CHỦ HỘ.....1 <input type="checkbox"/>
	VỢ/CHỒNG.....2 <input type="checkbox"/>
	CON ĐẸ .....3 <input type="checkbox"/>
	CHÁU NỘI/NGOẠI.....4 <input type="checkbox"/>
	BỐ/MẸ .....5 <input type="checkbox"/>
	QUAN HỆ KHÁC.....6 <input type="checkbox"/>

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các nhân khẩu.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 6 mã ở phần trả lời được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

Đây là câu hỏi đóng. Một hộ chỉ có một chủ hộ, là người được ghi vào cột thứ nhất của tập phiếu. Nếu thiếu hoặc thừa thông tin, cần xác minh; nếu không xác định được quan hệ với chủ hộ của một người nào đó trong hộ, thì gán mã “6” (Quan hệ khác). Nếu trong hộ có hơn 1 người có mã 2 (vợ/chồng chủ hộ), cần kiểm tra đối chiếu với giới tính và tuổi xem có khả năng sai mã quan hệ của những người này hay không. Nếu sai, sửa mã sai đó thành mã “6” (Quan hệ khác) với chủ hộ.

## Câu hỏi 3:

### Trích phiếu

3. [TÊN] là nam hay nữ?	NAM.....1 <input type="checkbox"/>	NỮ.....2 <input type="checkbox"/>
-------------------------	------------------------------------	-----------------------------------

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các nhân khẩu.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 2 mã ở phần trả lời được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

Trong trường hợp cả hai mã được gạch chéo (hoặc không mã nào được gạch chéo), cố gắng kiểm tra các thông tin của người đó, của những người trong cùng hộ và thông tin về số người/số nam/số nữ ở ngoài tờ bìa để xác định giới tính của người đó rồi sửa lỗi theo quy định, tức là loại bỏ bớt một mã (hoặc gạch chéo mã phù hợp).

### Lưu ý:

- Vợ (hoặc chồng) của chủ hộ phải có mã giới tính (phần trả lời của Câu hỏi 2) khác với mã giới tính của chủ hộ.
- Về nguyên tắc, không được dựa vào tên đệm để xác định giới tính, song đối với người là dân tộc Kinh (phần trả lời của Câu hỏi 6), thì ở phần trả lời của Câu hỏi 1 đối với người có tên đệm “THỊ” thường là nữ và người có tên đệm “VĂN” thường là nam.

#### 4.2.4 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 4: “Tháng năm sinh (theo dương lịch)”

i) Trích phiếu

4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG	<input type="text"/>	<input type="text"/>
	NĂM	<input type="text"/>	<input type="text"/>
	C6	←	
	KHÔNG XĐ NĂM.....9999	<input type="text"/>	<input type="text"/>

- ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các nhân khẩu.
- iii) *Quy định ghi phiếu:* Tháng sinh (giá trị có hai chữ số từ “01”, “02”, ... “12”) được ghi vào trong 2 ô mã dành sẵn. Bốn chữ số của năm sinh được ghi vào trong bốn ô mã dành sẵn.
- iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:* Nếu vì một lý do nào đó tháng sinh bị bỏ trống thì cố gắng xác minh. Trong trường hợp không xác minh được, thì ghi “98” - sẽ tổng hợp vào nhóm “Không xác định” tháng sinh.

Nếu năm sinh bị bỏ trống, thì ô vuông nhỏ của mã “9999” trong phần trả lời của Câu 4 được gạch chéo và hai ô mã trả lời của Câu 5 phải có thông tin.

**Lưu ý:**

- a) Tuổi của cha/mẹ đẻ thường nhiều hơn tuổi của người con đầu ít nhất 13 tuổi.
- b) Tuổi của các anh/chi/em ruột thường cách nhau ít nhất 8 tháng tuổi (trừ những trường hợp sinh đôi, sinh ba, ...).
- c) Việc xác minh tuổi khó có thể trình bày đầy đủ, chỉ có thể nêu một số điểm sau đây:
- + Thời gian sinh con của một phụ nữ thường bắt đầu khi người phụ nữ đó 15 tuổi và kết thúc khi 49 tuổi. Vì vậy trong một hộ năm sinh của các con của một phụ nữ nói chung phải thỏa mãn điều kiện trên và khoảng cách sinh thường cũng theo một điều kiện nào đó. Vì vậy căn cứ vào thông tin ở phần trả lời của Câu hỏi 2 (anh em ruột thường có cùng một mã quan hệ với chủ hộ), nếu năm sinh của đứa con nào đó bất thường, có thể đã có sai sót;
  - + Đối với các địa bàn mẫu, tháng năm sinh của lần sinh gần nhất của phụ nữ 15-49 tuổi ở phần trả lời của Câu hỏi 34a phải trùng với tháng năm sinh (Câu hỏi 4) của người con ít tuổi nhất, nếu đứa trẻ còn sống và đang sống trong hộ;
  - + Đối với các địa bàn mẫu, tháng năm sinh của những người con ruột (trừ con út) của người mẹ phải trước tháng năm sinh lần cuối ghi ở phần trả lời của Câu hỏi 34a.
- d) Nếu năm sinh là 2009, thì tháng sinh không thể có giá trị là 04 đến 12, vì thời điểm điều tra của Tổng điều tra 0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2009.

**4.2.5 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 5: “Tuổi tròn”**

Chỉ phải ghi tuổi cho những người mà điều tra viên không ghi được năm sinh ở Câu hỏi 4. Tuổi ghi bằng 2 chữ số vào trong hai ô dành sẵn. Tuổi nhỏ hơn 10, ghi số “0” vào ô mã bên trái. Nếu sót, đề nghị điều tra viên xác minh. Tuổi  $\geq 95$ , ghi 95.

#### 4.2.6 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 6: “Dân tộc”

##### i) Trích phiếu

6. [TÊN] thuộc dân tộc nào?	KINH.....1	<input type="checkbox"/>
	DÂN TỘC KHÁC.....2	<input type="checkbox"/>
	_____	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
	TÊN DÂN TỘC	

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các nhân khẩu.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Đối với những người là dân tộc Kinh, gạch chéo vào ô mã số “1”. Còn đối với những người thuộc các dân tộc khác dân tộc Kinh, gạch chéo vào ô mã số “2” và tên dân tộc của người đó được viết bằng chữ vào dòng kẻ liền ở phần trả lời.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:* Những trẻ nhỏ (dưới 18 tuổi) thường có cùng “dân tộc” với bố đối với nhiều dân tộc ở nước ta hoặc có cùng “dân tộc” với mẹ đối với một số ít dân tộc khác; anh chị em ruột thường là cùng một dân tộc; bố và mẹ cùng dân tộc thì con của họ cũng thường thuộc dân tộc đó. Vì vậy, dựa vào thông tin ở phần trả lời ở Câu hỏi 2 của những người khác trong cùng một hộ, có thể bổ sung được tên “dân tộc” của một người nào đó nếu bị bỏ sót.

v) *Kiểm tra ghi mã:* Việc ghi mã cho những người được gạch chéo mã “2” với tên dân tộc cụ thể do điều tra viên đã thực hiện trong giai đoạn điều tra. Mã số viên có trách nhiệm kiểm tra xem việc ghi mã đó có đúng không, sai thì sửa; hoặc ghi mã nếu điều tra viên quên chưa ghi mã.

a) Tài liệu tra cứu: Dừng danh mục dân tộc.

b) Cách ghi mã số: Dựa vào tên gọi cụ thể của dân tộc đã ghi ở phần trả lời và danh mục dân tộc, xác định mã số gồm 2 chữ số của dân tộc đó rồi ghi vào 2 ô mã dành sẵn.

c) Ví dụ:

6. [TÊN] thuộc dân tộc nào?	KINH.....1	<input type="checkbox"/>	Chú thích: Trong bảng mã dân tộc, dân tộc Nùng có mã số là “07”.
	DÂN TỘC KHÁC.....2	<input checked="" type="checkbox"/>	
	<b>Nùng</b>	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	
	TÊN DÂN TỘC	<b>0</b> <b>7</b>	

**Gợi ý:** Có thể ghi tên dân tộc và mã số tương ứng của những dân tộc phổ biến nhất thuộc tỉnh/thành phố vào bảng hoặc tờ giấy khổ to treo trên tường phòng làm việc của mã số viên (hoặc có thể làm việc này cho toàn bộ Danh mục Dân tộc). Điều này giúp cho mã số viên có thể nhìn thấy dễ dàng giúp kiểm tra và ghi mã câu hỏi này một cách thuận tiện, mà không cần tra danh mục.

#### 4.2.7 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 7: “Tôn giáo”

##### i) Trích phiếu

7. [TÊN] có theo đạo, tôn giáo nào không?  NẾU CÓ: Đó là đạo, tôn giáo gì?	CÓ.....1	<input type="checkbox"/>
	_____	<input type="checkbox"/>
	TÊN TÔN GIÁO	<input type="checkbox"/>
	KHÔNG.....2	<input type="checkbox"/>

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các nhân khẩu.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Đối với những người không thuộc đạo (tôn giáo) nào, ô dành sẵn của mã số “2” được gạch chéo. Còn đối với những người thuộc một đạo (tôn giáo) nào đó, ô dành sẵn của mã 1 được gạch chéo, đồng thời tên đạo (tôn giáo) của người đó được viết bằng chữ vào dòng kẻ liền.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

- Nếu cả hai mã không được gạch chéo (hoặc cả hai mã được gạch chéo) và không có thông tin “Tên tôn giáo” ghi ở dòng kẻ liền dành sẵn, thì sửa thành mã “2” được gạch chéo.
- Nếu cả hai mã không được gạch chéo (hoặc cả hai mã được gạch chéo) và có thông tin “Tên tôn giáo” ghi ở dòng kẻ liền dành sẵn, thì sửa thành mã 1 được gạch chéo.
- Nếu mã 2 được gạch chéo và có thông tin “Tên tôn giáo” ghi ở dòng kẻ liền dành sẵn, thì sửa thành mã 1 được gạch chéo.

v) *Kiểm tra ghi mã:* Việc ghi mã cho những người được gạch chéo mã “1” với tên tôn giáo/đạo cụ thể do điều tra viên thực hiện. Mã số viên có trách nhiệm kiểm tra xem việc ghi mã của điều tra viên. Trong trường hợp điều tra viên quên, mã số viên ghi mã cho câu hỏi này.

- Tài liệu tra cứu : Quy định mã số của một số tôn giáo chính.
- Cách ghi mã: Căn cứ vào mã số quy định và tên tôn giáo ghi ở dòng kẻ liền của câu hỏi này, ghi mã vào ô dành sẵn.
- Ví dụ:

7. [TÊN] có theo đạo, tôn giáo nào không?  NẾU CÓ: Đó là đạo, tôn giáo gì?	CÓ.....1	<input checked="" type="checkbox"/>	Chú thích: Theo quy định mã số của các tôn giáo chính, "Công giáo" có mã số là "02".
	<b>Công giáo</b>	<input type="checkbox"/>	
	TÊN TÔN GIÁO	<input type="checkbox"/>	
	KHÔNG.....2	<input type="checkbox"/>	

#### 4.2.8 Kiểm tra tháng năm sinh của đối tượng điều tra

Kiểm tra tháng, năm sinh của đối tượng điều tra ở phần trả lời của Câu hỏi 4. Khi kiểm tra tháng, năm sinh ở một câu nào đó, cần lưu ý: kiểm tra xem có thông tin nào được ghi/đánh dấu ở các câu hỏi tiếp theo không. Nếu có, xác định xem các thông tin có thể bị ghi lệch/đảo cột từ người bên cạnh không. Nếu là thông tin bị lệch cột sửa chuyển thông tin sang cột bên cạnh. Nếu là thông tin ghi thừa dùng bút xóa bỏ đi những thông tin thừa (những trường hợp sinh trong tháng 1 đến tháng 3 năm 2004 để có thông tin thừa và thông tin thừa thường là những thông tin như: “chưa đi học”, “không biết chữ”,...). Nếu thông tin “thừa” này nhiều cần xác minh lại năm sinh/tuổi về khả năng sai năm sinh/tuổi. Kiểm tra, nếu:

Đối tượng điều tra sinh từ tháng 4/2004 đến nay, việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã cho người này đến đây là kết thúc; chuyển sang người tiếp theo, nếu chưa phải người cuối cùng của hộ. Nếu là người cuối cùng thì chuyển sang kiểm tra mục 4.2.35 (Phần 2).

Đối tượng điều tra sinh trước tháng 4/2004, chuyển sang 4.2.9.  
4.2.9 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 9: “Nơi thực tế thường trú cách đây 5 năm (vào ngày 1/4/2004)”

##### i) Trích phiếu:

9. Cách đây 5 năm (vào ngày 1/4/2004), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?	CÙNG XÃ/PHƯỜNG.....1	<input type="checkbox"/>
	XÃ/PHƯỜNG KHÁC	
	TRONG HUYỆN.....2	<input type="checkbox"/>
	HUYỆN/QUẬN KHÁC	
	TRONG TỈNH.....3	<input type="checkbox"/>
	_____	
	TÊN HUYỆN	<input type="text"/>
	TỈNH/TP KHÁC.....4	<input type="checkbox"/>
	_____	
	TÊN TỈNH	<input type="text"/>
	Ở NƯỚC NGOÀI.....5	<input type="checkbox"/>
		C11 ←

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các nhân khẩu sinh trước tháng 4 năm 2004.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong năm mã được gạch chéo; trong trường hợp mã “3” (hoặc “4”) được gạch chéo thì tên huyện/quận khác trong tỉnh (hoặc tỉnh/thành phố khác) được ghi vào dòng kẻ liền dành sẵn;

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

a) Nếu cả năm mã không được gạch chéo và tên huyện/quận khác trong tỉnh hoặc tên tỉnh/thành phố khác không được ghi ở dòng kẻ liền dành sẵn, thì sửa thành mã “1” được gạch chéo.



- b) Nếu cả năm mã không được gạch chéo nhưng tên huyện/quận khác trong tỉnh được ghi ở dòng kẻ liền dành sẵn khác tên huyện/quận ghi ở trang bìa, thì sửa thành mã “3” được gạch chéo.
- c) Nếu cả năm mã không được gạch chéo nhưng tên tỉnh/thành phố khác được ghi ở dòng kẻ liền dành sẵn khác tên tỉnh/thành phố ghi ở trang bìa, thì sửa thành mã “4” được gạch chéo.
- d) Nếu nhiều hơn 1 mã được gạch chéo, nhưng tên huyện/quận có được ghi ở dòng kẻ liền dành sẵn khác tên huyện/quận ghi ở trang bìa, thì sửa thành mã “3” được gạch chéo.
- e) Nếu nhiều hơn 1 mã được gạch chéo, nhưng tên tỉnh/thành phố được ghi ở dòng kẻ liền dành sẵn khác tên tỉnh/thành phố ghi ở trang bìa, thì sửa thành mã “4” được gạch chéo.
- f) Nếu mã “3” được gạch chéo, nhưng tên huyện/quận ghi ở dòng kẻ liền dành sẵn trùng với tên huyện/quận ghi ở trang bìa, thì sửa thành mã “2” được gạch chéo.
- g) Nếu mã “4” được gạch chéo, nhưng tên tỉnh/thành phố ghi ở dòng kẻ liền dành sẵn trùng với tên tỉnh/thành phố ghi ở trang bìa, thì sửa thành mã “2” được gạch chéo.
- v) *Kiểm tra ghi mã:* Việc ghi mã cho những người được gạch chéo mã “3” hoặc mã “4” với tên huyện hoặc tên tỉnh cụ thể do điều tra viên tiến hành. Mã số viên có trách nhiệm kiểm tra việc ghi mã của điều tra viên. Trong trường hợp điều tra viên quên, mã số viên ghi mã cho câu hỏi này.
- a) Tài liệu tra cứu: Dùng danh mục các đơn vị hành chính.
- b) Cách ghi mã:
- Trường hợp mã “3” được gạch chéo ở phần trả lời của Câu hỏi 9: dựa vào tên huyện/quận đã ghi ở phần trả lời và danh mục các đơn vị hành chính, phần của tỉnh/thành phố có tên ghi ở trang bìa của tờ phiếu, xác định mã số của huyện/quận đó và ghi mã huyện/quận vào 3 ô mã dành sẵn.
  - Trường hợp có đánh dấu mã “4” ở phần trả lời của Câu hỏi 9: dựa vào tên tỉnh/thành phố đã ghi ở phần trả lời và danh mục các đơn vị hành chính, xác định mã số của tỉnh/thành phố đó và ghi mã tỉnh/thành phố vào 2 ô mã dành sẵn.
- c) Ví dụ:
- Ví dụ 1: Đây là phiếu của huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và mã 3 được gạch chéo

9. Cách đây 5 năm (vào ngày 1/4/2004), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?	CÙNG XÃ/PHƯỜNG.....1 <input type="checkbox"/>
	XÃ/PHƯỜNG KHÁC
	TRONG HUYỆN.....2 <input type="checkbox"/>
	HUYỆN/QUẬN KHÁC
	TRONG TỈNH.....3 <input checked="" type="checkbox"/>
	<b>Thị xã Bạc Liêu</b>
	_____ <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <b>9 5 4</b>
TÊN HUYỆN	
TỈNH/TP KHÁC.....4 <input type="checkbox"/>	
_____ <input type="text"/> <input type="text"/>	
TÊN TỈNH	
Ở NƯỚC NGOÀI.....5 <input type="checkbox"/>	
	C11 ←

*Chú thích:  
Thị xã Bạc Liêu của tỉnh Bạc Liêu có mã là “954”.*

Ví dụ 2: Đây là phiếu của huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và mã 4 được gạch chéo

9. Cách đây 5 năm (vào ngày 1/4/2004), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?	CÙNG XÃ/PHƯỜNG.....1 <input type="checkbox"/>
	XÃ/PHƯỜNG KHÁC
	TRONG HUYỆN.....2 <input type="checkbox"/>
	HUYỆN/QUẬN KHÁC
	TRONG TỈNH.....3 <input type="checkbox"/>
	_____ <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
	TÊN HUYỆN
TỈNH/TP KHÁC.....4 <input checked="" type="checkbox"/>	
_____ <input type="text"/> <input type="text"/> <b>4 4</b>	
TÊN TỈNH	
Ở NƯỚC NGOÀI.....5 <input type="checkbox"/>	
	C11 ←

*Chú thích:  
Theo danh mục các đơn vị hành chính, tỉnh “Quảng Bình” có mã số là “44”.*

**Lưu ý:** Nếu mã “3” hoặc mã “4” được gạch chéo, nhưng tên huyện/quận khác trong tỉnh hoặc tên tỉnh/thành phố khác không được ghi, thì không có cơ sở để ghi mã số. Trong trường hợp này ghi ba hoặc hai số ‘9’ vào ba hoặc hai ô mã tương ứng (mỗi ô một số ‘9’).

4.2.10 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 10: “Nơi thường trú cách đây 5 năm là phường, thị trấn hay xã”

i) Trích phiếu:

10. Nơi thường trú cách đây 5 năm nói trên là phường, thị trấn hay xã?	PHƯỜNG/THI TRẤN.....1 <input type="checkbox"/>
	XÃ.....2 <input type="checkbox"/>

ii) Đối tượng kê khai: Kê khai cho tất cả các nhân khẩu sinh trước tháng 4 năm 2004 và ở Câu hỏi 9 một trong 3 mã “2” hoặc “3” hoặc “4” được chọn.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong hai ô được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

- a) Nếu ở Câu hỏi 9 mã “1” hoặc mã “5” được chọn, Câu hỏi 10 được bỏ trắng. Nếu sai, sửa lỗi theo quy định.
- b) Nếu ở Câu hỏi 9, một trong ba mã “2” hoặc “3” hoặc “4” được chọn, mà cả hai mã ở Câu hỏi 10 được gạch chéo, cố gắng xác minh. Nếu không xác minh được, quy ước loại bỏ mã “1”.
- c) Nếu ở Câu hỏi 9, một trong ba mã “2” hoặc “3” hoặc “4” được chọn, mà cả hai mã ở Câu hỏi 10 không được gạch chéo, cố gắng xác minh. Nếu không xác minh được, quy ước chọn “2” ở Câu hỏi 10 làm phương án đúng.

4.2.11 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 11: “Tình trạng khuyết tật”

i) *Trích phiếu*

<p>11. [TÊN] có khó khăn gì khi [ . . . ] không?  <b>NẾU CÓ:</b> Khó khăn ở mức độ nào: khó khăn, rất khó khăn hay không thể?</p> <p style="text-align: right;">a) Nhìn, ngay cả khi đeo kính?</p> <p style="text-align: right;">b) Nghe?</p> <p style="text-align: right;">c) Đi bộ?</p> <p style="text-align: right;">d) Ghi nhớ, hay tập trung chú ý?</p>	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 25%; text-align: center;">KHÔNG KHÓ KHĂN</th> <th style="width: 25%; text-align: center;">KHÓ KHĂN</th> <th style="width: 25%; text-align: center;">RẤT KHÓ KHĂN</th> <th style="width: 25%; text-align: center;">KHÔNG THỂ [...]</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1 <input checked="" type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> <td>3 <input type="checkbox"/></td> <td>4 <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>1 <input type="checkbox"/></td> <td>2 <input checked="" type="checkbox"/></td> <td>3 <input type="checkbox"/></td> <td>4 <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>1 <input checked="" type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> <td>3 <input type="checkbox"/></td> <td>4 <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>1 <input checked="" type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> <td>3 <input type="checkbox"/></td> <td>4 <input type="checkbox"/></td> </tr> </tbody> </table>	KHÔNG KHÓ KHĂN	KHÓ KHĂN	RẤT KHÓ KHĂN	KHÔNG THỂ [...]	1 <input checked="" type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>	2 <input checked="" type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>	1 <input checked="" type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>	1 <input checked="" type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>
KHÔNG KHÓ KHĂN	KHÓ KHĂN	RẤT KHÓ KHĂN	KHÔNG THỂ [...]																		
1 <input checked="" type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>																		
1 <input type="checkbox"/>	2 <input checked="" type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>																		
1 <input checked="" type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>																		
1 <input checked="" type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>																		

ii) *Đổi tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các nhân khẩu sinh trước tháng 4 năm 2004.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Ở mỗi dòng a), b) c) và d), một trong 4 mã ở phần trả lời được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

Ở mỗi dòng, nếu nhiều hơn một mã được gạch chéo (hoặc không mã nào được gạch chéo), cố gắng xác minh, nếu không xác minh được thì sửa như sau:

- a) Nếu nhiều hơn 1 mã được gạch chéo, quy ước chọn mã có giá trị cao hơn làm phương án đúng.
- b) Nếu không mã nào được gạch chéo, quy ước chọn mã “1” làm phương án đúng.

4.2.12 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 12 - “Tình hình đang đi học/đã thôi học”

i) Trích phiếu

12. Hiện nay [TÊN] đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?	ĐANG ĐI HỌC.....1	<input type="checkbox"/>
	ĐÃ THÔI HỌC.....2	<input type="checkbox"/>
	CHƯA ĐI HỌC.....3	<input type="checkbox"/>
		C16 ←

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4 năm 2004.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong ba mã được gạch chéo, nếu mã “3” được gạch chéo thì không phải kê khai các câu hỏi từ 13 đến 15 .

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

Trong trường hợp cả ba mã không được gạch chéo, xem Câu hỏi 13. Nếu ở Câu hỏi 13, một trong các mã: “01”/ “02”/ “03”/ “04”/ “05”/ “06”/ “07”/ “08”/ “09”/ “10”/ “11” được gạch chéo, thì Câu hỏi 12 của người này phải có mã “1” hoặc mã “2”.

Nếu không có mã nào được gạch chéo, mà Câu hỏi 13 có thông tin hợp lệ thì chỉ có thể là mã “1” hoặc mã “2” được gạch chéo. Xem những lưu ý sau để sửa. Trong trường hợp không sửa được, để trắng, sẽ tổng hợp vào nhóm “Không xác định” tình trạng đi học.

**Lưu ý:**

- a) Những người trong độ tuổi 5-14 (sinh từ 4/1994 đến 4/2004) bị bỏ sót không kê khai ở phần trả lời của Câu hỏi 12, nhưng có lớp học phổ thông  $\geq 1$  được ghi ở phần trả lời của Câu hỏi 14, thường là đang đi học (mã “1” ở phần trả lời của Câu hỏi 12).
- b) Những người từ 15 tuổi trở lên (sinh trước 4/1994) bị bỏ sót không kê khai ở phần trả lời của Câu hỏi 12, nhưng có mã khác “00” ở phần trả lời của Câu hỏi 13 và có mã “4” ở phần trả lời của Câu hỏi 30 (đang đi học), thường là đang đi học (mã “1” ở phần trả lời của Câu hỏi 12).
- c) Những người từ 15 tuổi trở lên (sinh trước 4/1994) bị bỏ sót không kê khai ở phần trả lời của Câu hỏi 12, nhưng có mã khác “00” ở phần trả lời của Câu hỏi 13 và có mã khác “4” ở phần trả lời của Câu hỏi 30 (đang đi học), thường đã thôi học (mã “2” ở phần trả lời của Câu hỏi 12).
- e) Những người từ 5 tuổi trở lên (sinh trước 4/2004) bị bỏ sót không kê khai ở phần trả lời của Câu hỏi 12, nhưng có mã “2” ở phần trả lời của Câu hỏi 16 (không biết đọc biết viết) và Câu hỏi 13 và 14 không có thông tin, thường chưa đi học (mã “3” ở phần trả lời của Câu hỏi 12).

4.2.13. Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 13: “Cấp học cao nhất”

i) Trích phiếu

<p>13. Bậc học cao nhất hiện đang học hoặc đã học của [TÊN] là gì?</p> <p>CÁC CHỮ VIẾT TẮT</p> <p>THCS - TRUNG HỌC CƠ SỞ</p> <p>THPT - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG</p> <p>CN - CHUYÊN NGHIỆP</p>	MẦM NON.....00	<input type="checkbox"/>
	C16 ←	
	TIỂU HỌC.....01	<input type="checkbox"/>
	THCS.....02	<input type="checkbox"/>
	SƠ CẤP NGHỀ.....03	<input type="checkbox"/>
	THPT.....04	<input type="checkbox"/>
	TRUNG CẤP NGHỀ.....05	<input type="checkbox"/>
	TRUNG CẤP CN.....06	<input type="checkbox"/>
	CAO ĐẲNG NGHỀ.....07	<input type="checkbox"/>
	CAO ĐẲNG.....08	<input type="checkbox"/>
	ĐẠI HỌC.....09	<input type="checkbox"/>
	THẠC SỸ.....10	<input type="checkbox"/>
TIẾN SỸ.....11	<input type="checkbox"/>	

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4/2004 (từ 5 tuổi trở lên) và có mã “1” hoặc “2” ở phần trả lời của Câu hỏi 12.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 12 mã được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

Nếu nhiều hơn một mã được chọn, quy ước chọn mã có giá trị lớn hơn làm phương án đúng, nếu tuổi của đối tượng điều tra cho phép học được đến trình độ đó.

Nếu không mã nào được chọn, để trống, sẽ tổng hợp vào nhóm “Không xác định” cấp học cao nhất.

**Lưu ý:** người dưới 15 tuổi (sinh sau tháng 3/1994) thường không thể được kê khai mã “08” đến mã “11” ở phần trả lời của Câu hỏi 13.

4.2.14 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 14: “Lớp/năm học cao nhất”

i) Trích phiếu

<p>14. Lớp/năm học cao nhất mà [TÊN] hiện đang học hoặc đã học xong ở bậc học trên là gì?</p> <p>(GHI THEO LỚP PHỔ THÔNG THEO HỆ 12 NĂM)</p>	LỚP PHỔ THÔNG/	<input style="width: 40px; height: 20px;" type="text"/> <input style="width: 40px; height: 20px;" type="text"/>
	NĂM THỨ	

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4/2004 (từ 5 tuổi trở lên) và được gạch chéo một trong các mã từ 1 đến 11 ở phần trả lời của Câu hỏi 13.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Ghi lớp/năm học cao nhất đã đạt được hoặc đang học tương ứng với trình độ được gạch chéo ở Câu hỏi 13 (đối với hệ thống giáo dục phổ thông ghi theo hệ 12 năm, còn với các trình độ khác phổ thông ghi theo số năm đã học ở bậc học

đó). Lớp/năm học cao nhất được ghi vào hai ô mã dành sẵn. Nếu có giá trị dưới 10 thì thêm số 0 đằng trước.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

Hệ thống giáo dục phổ thông ở nước ta được chia làm ba cấp học như sau: Tiểu học, Trung học Cơ sở và Trung học Phổ thông, tương ứng với số năm học là 5-4-3. Tức là:

Nếu ở Câu 13 mã số “01” được gạch chéo thì  $0 \leq \text{Câu 14} \leq 5$ ;

Nếu ở Câu 13 mã số “02” được gạch chéo thì  $5 \leq \text{Câu 14} \leq 9$ ;

Nếu ở Câu 13 mã số “04” được gạch chéo thì  $9 \leq \text{Câu 14} \leq 12$ .

Nếu Câu 13 có mã khác các mã “00” hoặc “01” hoặc “02” hoặc “04”, thì đối tượng điều tra đã từng học ở một trình độ đào tạo nào đó ngoài phổ thông, như: sơ cấp nghề (hoặc sơ cấp), trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, cao đẳng, đại học, thạc sỹ và tiến sỹ. Đối với những trường hợp này, việc ghi ở Câu 14 là ghi số năm học đã đạt được ở bậc học đã được xác định ở Câu 13. Vì vậy, giá trị ghi ở Câu 14 thường có giá trị:  $0 \leq \text{Câu 14} \leq 6$ .

Cụ thể như sau:

Mã ở Câu 13	Mã ở Câu 14	Giải thích
“03”	“00”	Thời gian học sơ cấp nghề (hoặc sơ cấp) dưới dưới 12 tháng
“05”	“00” ÷ “02” “00” ÷ “04”	Thời gian học trung cấp nghề từ 1 đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; Thời gian học trung cấp nghề từ 3 đến 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.
“06”	“00” ÷ “02” “00” ÷ “04”	Thời gian học trung cấp chuyên nghiệp từ 1 đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; Thời gian học trung cấp chuyên nghiệp từ 3 đến 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở.
“07”	“00” ÷ “03” “00” ÷ “02”	Thời gian học cao đẳng nghề từ 2 đến 3 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; Thời gian học cao đẳng nghề từ 1 đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề cùng ngành nghề đào tạo
“08”	“00” ÷ “03” “00” ÷ “02”	Thời gian học cao đẳng nghề từ 2 đến 3 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp; Thời gian học cao đẳng nghề từ 1,5 đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành

<p>“09”</p> <p>“00” ÷ “06”</p> <p>“00” ÷ “04”</p> <p>“00” ÷ “02”</p>		<p>Thời gian học để tốt nghiệp đại học từ 4 đến 6 năm;</p> <p>Thời gian học để tốt nghiệp đại học từ 2,5 đến 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp;</p> <p>Thời gian học để tốt nghiệp đại học từ 1,5 đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành;</p>
<p>“10”</p>	<p>“00” ÷ “02”</p>	<p>Thời gian học để tốt nghiệp thạc sỹ từ 1 đến 2 năm</p>
<p>“11”</p>	<p>“00” ÷ “04”</p> <p>“00” ÷ “03”</p> <p>.....</p>	<p>Thời gian học để có bằng tiến sỹ trong 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học;</p> <p>Thời gian học để có bằng tiến sỹ từ 2 đến 3 năm đối với người có bằng thạc sỹ;</p> <p>Trong trường hợp đặc biệt, thời gian đào tạo tiến sỹ có thể kéo dài theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>

Nếu có tuổi ở Câu 4 (hoặc ở Câu 5) và lớp phổ thông ở Câu 14 (khi Câu 13 có mã “01”/“02”/“04”) có quan hệ với nhau theo bất đẳng thức sau: tuổi  $\geq$  lớp phổ thông + 4.

#### 4.2.15 Kiểm tra Câu hỏi 13 “Cấp học cao nhất” và Câu hỏi 16 “Biết đọc, biết viết”

- Nếu ở phần trả lời của Câu hỏi 13 một mã nào đó khác mã “00” và “01” được gạch chéo, thì phần trả lời của Câu hỏi 16 phải được bỏ trắng (không có thông tin); trong trường hợp ở phần trả lời của Câu hỏi 16 có thông tin thì loại bỏ thông tin đó.
- Nếu ở phần trả lời của Câu hỏi 13 mã “01” được gạch chéo và ở Câu 16 cả hai mã được chọn, quy ước chọn mã “1” cho Câu hỏi 16 làm phương án đúng.
- Nếu ở phần trả lời của Câu hỏi 13 mã “01” được gạch chéo và ở Câu hỏi 16 không mã nào được chọn, quy ước để trắng sẽ tổng hợp vào nhóm “Không xác định” của Câu hỏi 16.

#### 4.2.17 Kiểm tra tháng năm sinh của đối tượng điều tra

Kiểm tra tháng năm sinh của đối tượng điều tra ở phần trả lời của Câu hỏi 4. Khi kiểm tra tháng, năm sinh ở phần này cần lưu ý: kiểm tra xem có thông tin nào được ghi/đánh dấu ở các câu hỏi tiếp theo không. Nếu có, xác định xem các thông tin có thể bị ghi lệch/đảo cột từ người bên cạnh không. Nếu là thông tin bị lệch cột sửa chuyển thông tin sang cột bên cạnh. Nếu là thông tin ghi thừa dùng bút xóa bỏ đi những thông tin thừa (những trường hợp sinh trong tháng 1 đến tháng 3 năm 1994 để có thông tin thừa và thông tin thừa thường là những thông tin như: “chưa vợ/chồng”, “chưa đào tạo CMKT”,...). Nếu thông tin “thừa” này nhiều cần xác minh lại năm sinh/tuổi về khả năng sai năm sinh/tuổi. Kiểm tra, nếu:

Đối tượng điều tra sinh từ tháng 4/1994 đến nay, việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã cho người này đến đây là kết thúc; chuyển sang người tiếp theo, nếu chưa phải người cuối cùng của hộ.

Đối tượng điều tra sinh trước tháng 4/1994, chuyển sang Câu hỏi tiếp theo.

**4.2.18 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 18: “Tình trạng hôn nhân”**

*i) Trích phiếu*

18. Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?	CHƯA VỢ/CHỒNG.....1	<input type="checkbox"/>
	CÓ VỢ/CHỒNG.....2	<input type="checkbox"/>
	GÓA.....3	<input type="checkbox"/>
	LY HÔN.....4	<input type="checkbox"/>
	LY THÂN.....5	<input type="checkbox"/>

*ii) Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4 năm 1994 (từ 15 tuổi trở lên).

*iii) Quy định ghi phiếu:* Một trong năm mã được gạch chéo.

*iv) Kiểm tra và sửa lỗi:*

Nếu không mã nào (hoặc nhiều hơn một mã) được gạch chéo, tham khảo Câu hỏi 2 “Quan hệ với chủ hộ” để sửa, nếu có thể. Trong trường hợp không thể xác định được, để trống (sửa trắng), sẽ tổng hợp vào nhóm “Không xác định” tình trạng hôn nhân.

Ví dụ: Một người có mã “2” ở phần trả lời của Câu hỏi 2, mà bị bỏ sót không kê khai ở phần trả lời của Câu hỏi 18, thì có thể sửa thành mã “2” được gạch chéo.

Lưu ý: Đa số các trường hợp, các cặp vợ chồng thường sống với nhau trong cùng một hộ. Tức là trong hộ thường có chẵn số người khai là đang có vợ hoặc có chồng – mã “2” được chọn (2, 4 hoặc 6 người ...). Chỉ có số ít các trường hợp hai vợ chồng không sống trong cùng một hộ; hoặc do đã ly hôn, ly thân, goá .

**4.2.19 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 19: “Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã được đào tạo**

*i) Trích phiếu*

19. Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất mà [TÊN] đã được đào tạo là gì?  CÁC CHỮ VIẾT TẮT : CMKT - CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CN - CHUYÊN NGHIỆP	CHƯA ĐÀO TẠO CMKT.....1	<input type="checkbox"/>
	SƠ CẤP NGHỀ.....2	<input type="checkbox"/>
	TRUNG CẤP NGHỀ.....3	<input type="checkbox"/>
	TRUNG CẤP CN.....4	<input type="checkbox"/>
	CAO ĐẲNG NGHỀ.....5	<input type="checkbox"/>
	CAO ĐẲNG.....6	<input type="checkbox"/>
	ĐẠI HỌC.....7	<input type="checkbox"/>
	THẠC SỸ.....8	<input type="checkbox"/>
	TIẾN SỸ.....9	<input type="checkbox"/>



ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4/1994 (từ 15 tuổi trở lên).

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 9 mã được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

a) Đối với những người đang đi học (mã “1” ở Câu 12 được chọn):

- Nếu mã “1”/“2”/“4” ở Câu 13 được chọn, thì ở Câu 19 không thể có mã từ “4” đến “9” mà thường có mã “1” ;
- Thường bậc học ở Câu 13 cao hơn bậc học ở Câu 19, trừ những trường hợp người đi học văn bằng 2 thấp hơn hoặc ngang với trình độ đã tốt nghiệp ở Câu 19.

b) Đối với những người đã thôi học (mã “2” ở Câu 12 được chọn):

- Nếu mã “0”/“1”/“2”/“4” ở Câu 13 được chọn, thì ở Câu 19 thường có mã “1” ;
- Bậc học ở Câu 19 không thể cao hơn bậc học ở Câu 13. Thường bậc học ở Câu 13 và Câu 19 là tương đương nhau, ngoại trừ những trường hợp học dở dang một loại bậc học nào đó ở Câu 13, thì bậc học ở Câu 19 sẽ thấp hơn một bậc so với bậc học ở Câu 13.

#### 4.2.20 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 20: “Hoạt động chính trong 7 ngày qua”

i) *Trích phiếu*

20. Bây giờ, tôi hỏi về việc làm <b>trong 7 ngày qua</b> :	CÓ.....1	<input type="checkbox"/> → C23a
Trong 7 ngày qua, anh/chị có làm một công việc gì để tạo ra thu nhập không?	KHÔNG.....2	<input type="checkbox"/>
	KHÔNG BIẾT.....3	<input type="checkbox"/> → C31

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4/1994 (từ 15 tuổi trở lên).

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 3 mã được gạch chéo. Trong trường hợp mã “1” được chọn, phải ghi thông tin cho các Câu hỏi 23 đến Câu hỏi 26. Nếu mã “3” được gạch chéo, không phải kê khai cho các Câu hỏi 21 đến Câu hỏi 30.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

a) Nếu không mã nào được gạch chéo ở phần trả lời của Câu hỏi 20, song ở phần trả lời của các Câu hỏi 23 đến Câu hỏi 26 thông tin được ghi đầy đủ và hợp lệ thì tùy vào Câu hỏi 21, 22 để ghi mã cho Câu hỏi 20: nếu Câu hỏi 21 hoặc 22 ghi mã “1” thì sửa thành mã “2” được gạch chéo, nếu Câu hỏi 21, 22 để trống thì sửa thành mã “1” được gạch chéo.

b) Nếu nhiều hơn một mã được gạch chéo ở phần trả lời của Câu hỏi 20, nhưng ở phần trả lời của các Câu hỏi 23 đến Câu hỏi 26 thông tin được ghi đầy đủ và hợp lệ, thì tùy vào Câu hỏi 21, 22 để ghi mã cho Câu hỏi 20: nếu Câu hỏi 21 hoặc 22 ghi mã “1” thì sửa thành mã “2” được gạch chéo, nếu Câu hỏi 21, 22 để trống thì sửa thành mã “1” được gạch chéo.

4.2.21 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 21: Đây cũng là câu hỏi về hoạt động chính trong 7 ngày qua nhưng với đối tượng trong tuần qua tạm thời nghỉ việc có được hưởng lương/hưởng công. Câu hỏi đóng, có hướng dẫn chuyên. Cách xử lý tương tự như đối với Câu 20.

4.2.22 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 22: Đây cũng là câu hỏi về hoạt động chính trong 7 ngày qua nhưng với đối tượng trong tuần qua tạm thời nghỉ việc, nhưng trước đó đã có việc làm và sẽ quay trở lại làm việc trong 30 ngày tới. Câu hỏi đóng, có hướng dẫn chuyên. Cách xử lý tương tự như đối với Câu 20.

4.2.23 Ghi mã Câu hỏi 23: “Công việc chính”

*i) Trích phiếu*

23a. Trong 7 ngày qua, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?	<hr/> <hr/>			
23b. Trong 7 ngày trước khi tạm nghỉ, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)	<table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="width: 30px; height: 20px;"></td> <td style="width: 30px; height: 20px;"></td> <td style="width: 30px; height: 20px;"></td> </tr> </table>			

*ii) Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4/1994 và mã “1” ở phần trả lời của Câu hỏi 20 hoặc Câu hỏi 21 hoặc Câu hỏi 22 đã được gạch chéo.

*iii) Quy định ghi phiếu:* Tên công việc chính trong 12 tháng qua và chức vụ (nếu có) được ghi vào các dòng kẻ liền dành sẵn ở phần trả lời.

*iv) Ghi mã:*

a) Tài liệu tra cứu: Dùng danh mục nghề nghiệp.

b) Cách ghi mã số: Dựa vào tên công việc chính đã ghi ở phần trả lời và danh mục nghề nghiệp, xác định mã của công việc chính đó rồi ghi mã vào 3 ô dành sẵn. Quy trình ghi mã công việc chính được tiến hành như sau:

Bước 1: Cố gắng đối chiếu tên công việc chính đã ghi với 10 nhóm nghề cấp 1. Nếu không thể tìm được nhóm nghề cấp 1 phù hợp, báo cáo tổ trưởng giải quyết.

Bước 2: Sau khi xác định được nhóm nghề cấp 1, đối chiếu trực tiếp tên công việc chính với các nhóm nghề chi tiết có mã số gồm 4 chữ số. Nếu đối chiếu được thì chuyển sang Bước 4, không được thì sang Bước 3.

Bước 3: Nếu không đối chiếu trực tiếp được công việc chính với một nhóm nghề chi tiết, có nghĩa là đã chọn sai nhóm nghề cấp 1. Quay lại Bước 1.

Bước 4: Khi đã đối chiếu được với một nhóm nghề cấp 4, xác định mã số của nhóm nghề đó (mã số gồm 4 chữ số). Ghi 3 số đầu vào 3 ô mã dành sẵn.

c) Ví dụ

23a. Trong 7 ngày qua, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)?	<i>Thợ may</i>			
23b. Trong 7 ngày trước khi tạm nghỉ, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NẾU CÓ)	<table border="1"> <tr> <td>7</td> <td>5</td> <td>3</td> </tr> </table>	7	5	3
7	5	3		

**Giải thích:**

Bước 1: Nhóm 7 – “Lao động thủ công và các nghề nghiệp có liên quan khác”.

Bước 2: Nhóm nghề “Thợ may mặc và các thợ có liên quan” - 7531

Bước 4: Ghi 753.

d) Những điểm cần lưu ý

- Đối với trường hợp tên công việc chính có ghi chức vụ kèm theo, cần xem xét kỹ để xác định người đó có phải là lãnh đạo hay không. Người làm công tác lãnh đạo thuộc nhóm cấp 1, có mã số cấp 1 là 1 (Lãnh đạo....)
- Thông thường mã số thích hợp được xác định nhanh chóng và ít khi phải suy xét thêm. Tuy nhiên, đôi khi khó xác định được ngay mã số chính xác và trong một trường hợp có thể phải xếp vào nhóm nghề khác nhau. Trong những trường hợp khó, nên tham khảo ý kiến tổ trưởng để quyết định.
- Nếu mã “1” được chọn ở phần trả lời của Câu hỏi 20/21/22 và công việc chính ở phần trả lời của Câu hỏi 23 là “Nội trợ” thì xếp vào nhóm nghề “9111”. Còn nếu mã “1” được đánh dấu ở phần trả lời của Câu hỏi 20/21/22 và công việc chính ở phần trả lời của Câu hỏi 23 là “Trông trẻ” thì xếp vào nhóm nghề “5311”.
- Đối với những công việc chính có ở 2 nhóm nghề khác nhau, thì căn cứ vào loại trình độ chuyên môn cao nhất đã được đào tạo (hoặc đòi hỏi trình độ tương đương) của đối tượng điều tra để chọn ra một nhóm phù hợp. Ví dụ:

Nghề nghiệp về	Trình độ	
	Trình độ	Nhóm nghề
Giảng dạy ở tiểu học và tiền tiểu học	đại học trở lên	2341/ 2342
Giảng dạy ở các trường khuyết tật	đại học trở lên	2352
Máy tính	đại học trở lên	2511 -2529
Y tế	đại học trở lên	2211- 2269
Nông lâm học	đại học trở lên	2131

Trình độ	
Trình độ	Nhóm nghề
Trung cấp đến dưới đại học	3610/ 3611
Trung cấp đến dưới đại học	3612
Trung cấp đến dưới đại học	3511- 3514
Trung cấp đến dưới đại học	3211- 3259
Trung cấp đến dưới đại học	3142/ 3143

- Cần nghiên cứu danh mục nghề nghiệp thật kỹ, để tránh nhầm lẫn khi sử dụng.

#### 4.2.24 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 24: “Vị thế việc làm”

##### i) Trích phiếu

24. Với công việc trên, anh/chị là lao động gia đình, làm công ăn lương hay giữ vai trò khác?	LAO ĐỘNG GIA ĐÌNH.....1	<input type="checkbox"/>
	LÀM CÔNG ĂN LƯƠNG.....2	<input type="checkbox"/>
	KHÁC.....3	<input type="checkbox"/>

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4/1994 và ở phần trả lời của Câu hỏi 20/21/22 đã được gạch chéo mã “1”.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 3 mã ở phần trả lời được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

- Trong trường hợp nhiều hơn một mã được gạch chéo, cố gắng kiểm tra các thông tin để xác định vị thế việc làm của người đó; trong trường hợp không xác định được, quy ước lấy mã số lớn hơn (ở dòng dưới) làm phương án đúng.
- Trong trường hợp không mã nào được gạch chéo, cố gắng kiểm tra các thông tin để xác định vị thế việc làm của người đó; trong trường hợp không xác định được, quy ước để trống sẽ tổng hợp vào nhóm không xác định “vị thế việc làm”.

#### 4.2.25 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 25: “Loại hình kinh tế”

##### i) Trích phiếu

25. Cơ sở nơi anh/chị làm công việc trên là cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, kinh tế tập thể, tư nhân, nhà nước hay có vốn đầu tư nước ngoài?  CHỮ VIẾT TẮT :  SXKD - SẢN XUẤT KINH DOANH (BAO GỒM HỘ NÔNG-LÂM NGHIỆP-Thủy SẢN VÀ HỘ PHI NÔNG-LÂM NGHIỆP-Thủy SẢN)	CÁ NHÂN.....1	<input type="checkbox"/>
	C31 ←	
	HỘ SXKD CÁ THỂ.....2	<input type="checkbox"/>
	C27 ←	
	TẬP THỂ.....3	<input type="checkbox"/>
	TƯ NHÂN.....4	<input type="checkbox"/>
NHÀ NƯỚC.....5	<input type="checkbox"/>	
VỐN NƯỚC NGOÀI.....6	<input type="checkbox"/>	

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4/1994 và ở phần trả lời của Câu hỏi 20/21/22 đã được gạch chéo mã “1”.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 6 mã ở phần trả lời được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

Trong trường hợp nhiều hơn một mã được gạch chéo (hoặc không mã nào được gạch chéo), cố gắng kiểm tra các thông tin ở các Câu hỏi 23, 26 và 27 để xác định loại hình kinh tế của cơ quan/đơn vị mà người đó đang làm để sửa một cách phù hợp. Trong trường hợp

không sửa được, sửa trắng (để trắng), sẽ tổng hợp vào nhóm “Không xác định” loại hình kinh tế.

**Lưu ý về quan hệ giữa Câu hỏi 24 và Câu hỏi 25:**

- a) Nếu mã “3” (tập thể) ở phần trả lời của Câu hỏi 25 được gạch chéo thì ở phần trả lời của Câu hỏi 24 chỉ có thể là mã “2” (làm công ăn lương) hoặc mã “3” (khác) được gạch chéo.
- b) Nếu mã “4”/ “5”/ “6” ở phần trả lời của Câu hỏi 25 được gạch chéo thì ở phần trả lời của Câu hỏi 24 chỉ có thể là mã “2” hoặc mã “3” được gạch chéo.

**4.2.27 Ghi mã Câu hỏi 27: “Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị”**

*i) Trích phiếu*

27. Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên là gì?	<div style="border-bottom: 1px solid black; height: 15px; margin-bottom: 5px;"></div> <div style="border-bottom: 1px solid black; height: 15px; margin-bottom: 5px;"></div> <div style="display: flex; align-items: center; justify-content: center;"><div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 20px; margin-right: 5px;"></div><div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 20px; margin-right: 5px;"></div><div style="border: 1px solid black; width: 20px; height: 20px;"></div></div> <div style="text-align: right; margin-top: 10px;">C31 ←</div>
--	---

*ii) Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4/1994, mà ở phần trả lời của Câu hỏi 20/21/22 mã “1” được gạch chéo và ở Câu hỏi 25 mã khác mã “1” được gạch chéo.

*iii) Quy định ghi phiếu:* Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị mà đối tượng điều tra làm việc được ghi vào các dòng kẻ liền dành sẵn ở phần trả lời.

*iv) Ghi mã:*

- a) Tài liệu tra cứu: Dừng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007.
- b) Cách ghi mã số:

Có 2 quy trình ghi mã khác nhau cho phần này, đó là cho lao động thuộc loại hình kinh tế “cá nhân” và lao động thuộc các loại hình kinh tế khác.

**Đối với lao động cá nhân**

Dấu hiệu để nhận biết lao động cá nhân là phần trả lời ở Câu hỏi 25 được gạch chéo ở mã “1”. Quy trình ghi mã như sau:

- Bước 1: Cố gắng đối chiếu tên công việc chính ghi ở Câu hỏi 23 với 21 nhóm ngành cấp 1 của hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007. Nếu không thể tìm được nhóm ngành cấp 1 phù hợp, báo cáo tổ trưởng giải quyết.
- Bước 2: Sau khi đã xác định được nhóm ngành cấp 1, xem phần chi tiết của nhóm ngành cấp 1 đó. Đối chiếu trực tiếp tên công việc chính với các nhóm ngành cấp 5. Nếu đối chiếu được thì chuyển sang Giai đoạn 4, không được thì chuyển sang Giai đoạn 3.

- Bước 3: Nếu không đối chiếu trực tiếp được công việc chính với một nhóm ngành cấp 5, điều đó có nghĩa là đã chọn sai nhóm ngành cấp 1. Quay lại Giai đoạn 1.
- Bước 4: Khi đã đối chiếu được tên công việc chính với một nhóm ngành cấp 5, xác định mã số của nhóm ngành đó (gồm 5 chữ số) và ghi 3 số đầu của mã vừa xác định được vào 3 ô mã dành sẵn.

Ví dụ: Một người được gạch chéo mã “1” ở phần trả lời của Câu hỏi 20, tên công việc chính của nhân khẩu đó ở phần trả lời của Câu hỏi 23 là “Bán bia, giải khát tại nhà” và mã “1” ở phần trả lời của Câu hỏi 25 được gạch chéo.

<p>27. Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên là gì?</p>	<div style="border-bottom: 1px solid black; height: 20px; width: 100%;"></div> <div style="border-bottom: 1px solid black; height: 20px; width: 100%;"></div> <div style="text-align: right; margin-top: 10px;"> <span style="font-size: 24px;">←</span> C31         </div> <div style="margin-top: 10px; text-align: center;"> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="padding: 2px 10px;">5</td> <td style="padding: 2px 10px;">6</td> <td style="padding: 2px 10px;">3</td> </tr> </table> </div>	5	6	3
5	6	3		

*Giải thích:*

*Bước 1: Đối chiếu và chọn được ngành cấp 1 là “I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống”*

*Bước 2: Xem phần I, đối chiếu tên công việc chính “Bán bia, giải khát tại nhà” với nhóm ngành cấp 5 – “Quán rượu, bia, quầy bar” có mã là 56301*

*Bước 4: Ghi 563.*

### **Đối với lao động không phải là lao động cá nhân**

Dấu hiệu để nhận biết lao động không phải là lao động cá nhân là phần trả lời ở Câu hỏi 20/21/22 mã “1” được gạch chéo và ở Câu hỏi 25 một mã khác mã “1” được gạch chéo. Quy trình ghi mã như sau:

- Bước 1: Đối chiếu nhiệm vụ/sản phẩm chính ở phần trả lời của Câu hỏi 27 và tên cơ quan hoặc đơn vị và cấp trên trực tiếp đã ghi ở phần trả lời của Câu hỏi 26 với 21 nhóm ngành cấp 1 của hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007. Nếu không thể tìm được nhóm ngành cấp 1 phù hợp, báo cáo tổ trưởng giải quyết.
- Bước 2: Sau khi đã xác định được nhóm ngành cấp 1, xem phần chi tiết của nhóm ngành cấp 1 đó. Đối chiếu trực tiếp nhiệm vụ/sản phẩm chính với các nhóm ngành cấp 5. Nếu đối chiếu được thì chuyển sang Giai đoạn 4, không được thì chuyển sang Giai đoạn 3.
- Bước 3: Nếu không đối chiếu trực tiếp được tên cơ quan hoặc đơn vị và cấp trên trực tiếp và nhiệm vụ/sản phẩm chính với một nhóm ngành cấp 5, điều đó có nghĩa là đã chọn sai nhóm ngành cấp 1. Quay lại Giai đoạn 1.
- Bước 4: Khi đối chiếu được, xác định mã số của nhóm ngành đó (gồm 5 chữ số) và ghi vào 3 số đầu vào 3 ô mã dành sẵn.

Ví dụ: Một người được gạch chéo mã “1” ở phần trả lời của Câu hỏi 20, mã “5” ở phần trả lời của Câu hỏi 25 được đánh dấu, phần trả lời của Câu hỏi 26 ghi “Nhà xuất bản Thống kê, Tổng cục Thống kê” và phần trả lời của Câu hỏi 27 ghi “Xuất bản sách thống kê”.

<p>27. Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên là gì?</p>	<p><i>Xuất bản sách</i></p> <hr/> <p><i>thống kê</i></p> <hr/> <p style="text-align: right;">C31 ←</p> <div style="border: 1px solid black; display: inline-block; padding: 2px;">5</div> <div style="border: 1px solid black; display: inline-block; padding: 2px;">8</div> <div style="border: 1px solid black; display: inline-block; padding: 2px;">1</div>
---	---

*Giải thích:*

*Bước 1: Đối chiếu và chọn được ngành cấp 1 là “J. Thông tin và truyền thông”*

*Bước 2: Xem phần J, đối chiếu “Xuất bản sách thống kê” với một nhóm ngành cấp 5 – “Xuất bản sách” có mã là 58110*

*Bước 4: Ghi 581.*

**Lưu ý:**

- a) Đối với nhiều cơ quan, tên của chúng phản ánh được nhiệm vụ chính của cơ quan đó (như ở ví dụ trên). Nhưng cũng có không ít cơ quan/đơn vị mà khi đọc tên của chúng, người đọc không hình dung được cơ quan/đơn vị đó có nhiệm vụ gì, sản xuất sản phẩm gì. Ví dụ: Công ty Hoàng Anh, Công ty TNHH Việt Tiến,... Do vậy, cần phải kết hợp cả tên cơ quan và nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan trong việc xác định một ngành kinh tế của cơ quan/đơn vị đó. Hơn nữa, nếu còn phân vân, có thể hỏi Phòng Thống kê Tổng hợp hoặc Phòng Thống kê Công thương, nơi quản lý các doanh nghiệp trong phạm vi cả tỉnh/thành phố (tra cứu danh mục cơ quan, đơn vị đã lập sẵn).
- b) Để có thể tra cứu hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 nhanh chóng, cần làm quen với các nhóm ngành cấp 2. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 có phần giải thích khá chi tiết, đặc biệt có phần loại trừ để tránh nhầm lẫn khi xếp những ngành kinh tế gần giống nhau. Khi có vướng mắc nên đọc kỹ phần giải thích đó để tìm ra cách giải quyết thích hợp.

Các Câu hỏi 28, 29 và 30 là để hỏi cho những người không làm việc, tức là ở phần trả lời của các Câu hỏi 20 hoặc 21 hoặc 22 không có mã “1” nào được gạch chéo.

#### 4.2.28 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 28: “Tìm kiếm việc làm”

i) *Trích phiếu*

	→

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4/1994 và mã “2” ở Câu hỏi 22 được gạch chéo.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 2 mã được gạch chéo, trong trường hợp mã “2” được gạch chéo, không phải kê khai Câu hỏi 29.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

- a) Nếu không mã nào được gạch chéo ở phần trả lời của Câu hỏi 28, thì xử lý như sau: nếu phần trả lời của Câu hỏi 29 có một mã được gạch chéo, sửa thành mã “1” được gạch chéo ở phần trả lời của Câu hỏi 28.
- b) Nếu cả hai mã được chọn, thì xử lý như sau: nếu ở phần trả lời của Câu hỏi 29 có thông tin hợp lệ, sửa thành chỉ có mã “1” được gạch chéo ở phần trả lời của Câu hỏi 28.
- c) Các trường hợp khác, sửa thành không mã nào được chọn ở Câu hỏi 28.

4.2.29 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 29: “Có đi làm ngay không”?

i) *Trích phiếu*

29. Trong 7 ngày qua, nếu tìm được việc làm, anh/chị có đi làm ngay không?	CÓ.....1	<input type="checkbox"/>	→ C31
	KHÔNG.....2	<input type="checkbox"/>	

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4/1994, mã “2” ở phần trả lời của Câu hỏi 22 được gạch chéo và mã “1” ở phần trả lời của Câu hỏi 28 được gạch chéo.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 2 mã được gạch chéo, trong trường hợp mã “1” được gạch chéo, không phải kê khai Câu hỏi 30.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

- a) Nếu cả hai mã được gạch chéo, nhưng Câu hỏi 30 có thông tin hợp lệ, sửa thành mã “2” được gạch chéo cho Câu hỏi 29.
- b) Nếu không mã nào được gạch chéo, nhưng phần trả lời của Câu hỏi 30 có một mã được gạch chéo, thì sửa thành mã “2” được gạch chéo cho Câu hỏi 29.
- c) Các trường hợp khác, sửa thành không mã nào được chọn, sẽ tổng hợp vào nhóm không xác định.

4.2.30 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 30: “Lý do không tìm việc hoặc không sẵn sàng làm việc”



i) Trích phiếu

30. NẾU CÂU 28 = 2: Tại sao anh/chị không tìm việc?	KHÔNG CÓ VIỆC T.HỢP/ KHÔNG BIẾT TÌM Ở ĐÂU..... 1	<input type="checkbox"/>
NẾU CÂU 29 = 2: Tại sao anh/chị không sẵn sàng làm việc?	ÓM ĐAU/BẬN VIỆC/CHỜ VIỆC.....2	<input type="checkbox"/>
	THỜI TIẾT XẤU/CHỜ THỜI VỤ.....3	<input type="checkbox"/>
	ĐANG ĐI HỌC.....4	<input type="checkbox"/>
	NỘI TRỢ GD MÌNH.....5	<input type="checkbox"/>
	MẤT KHẢ NĂNG LĐ.....6	<input type="checkbox"/>
	KHÔNG MUỐN ĐI LÀM.....7	<input type="checkbox"/>
	KHÁC.....8	<input type="checkbox"/>
	(GHI CỤ THỂ)	

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những người sinh trước tháng 4/1994, có mã “2” ở Câu hỏi 22 và mã 2 ở Câu hỏi 28 (hoặc mã “2” ở Câu hỏi 29).

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 8 mã được gạch chéo, trong trường hợp mã “8” được gạch chéo, ghi lý do cụ thể vào dòng kẻ liền dành sẵn.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

- Nếu mã “8” được gạch chéo, xem thông tin ghi ở dòng kẻ liền dành sẵn có thể trùng với một trong những lý do ở phía trên không (do điều tra viên không chú ý, nên đã ghi nhầm), sửa chữa bằng cách chọn lý do ở trên và xóa ô mã “8”.
- Nếu nhiều hơn một mã được gạch chéo, sửa lại thành một lý do có mã nhỏ hơn được gạch chéo.
- Nếu không mã nào được gạch chéo, để trống, sẽ tổng hợp vào nhóm lý do “Không xác định”.

4.2.31 Kiểm tra lại giới tính và tháng, năm sinh của đối tượng điều tra

Kiểm tra giới tính ở phần trả lời của Câu hỏi 3 và tháng năm sinh ở phần trả lời của Câu hỏi 4 của đối tượng điều tra. Khi kiểm tra tháng, năm sinh ở phần này cần lưu ý: kiểm tra xem có thông tin nào được ghi/đánh dấu ở các câu hỏi từ 32 đến 34 không. Nếu có, xác định xem các thông tin có thể bị ghi lệch/đảo cột từ người bên cạnh không. Nếu là thông tin bị lệch cột sửa chuyển thông tin sang cột bên cạnh. Nếu là thông tin ghi thừa dùng bút xóa bỏ đi những thông tin thừa (những trường hợp sinh từ tháng 4 đến tháng 12 năm 1994 để có thông tin thừa và thông tin thừa thường là mã số “2” ở Câu hỏi 32, những trường hợp sinh trong tháng 1 đến tháng 3 năm 1959 cũng dễ có thông tin thừa ở tất cả các Câu từ 32 đến 34). Trước khi xóa các thông tin cho là thừa cần kiểm tra lại xem có khả năng năm sinh/tuổi hoặc giới tính bị ghi sai không. Kiểm tra, nếu:

- Đối tượng điều tra là nam, nữ sinh trước tháng 4/1959 hoặc nữ sinh sau tháng 3/1994, việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã cho người này đến đây là kết thúc; chuyển sang người tiếp theo, nếu chưa phải người cuối cùng của hộ; ngược lại (là người cuối cùng của hộ) chuyển sang 4.2.35 (Phần 2).

ii) Đối tượng điều tra là nữ sinh từ tháng 4/1959 đến tháng 3/1994 (từ 15 đến 49 tuổi), tiếp tục kiểm tra, hiệu đính đối với Câu hỏi 32.

**Các Câu hỏi 32, 33, 34 chỉ hỏi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ tức là sinh từ 4/1959 đến 3/1994.**

4.2.32 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 32: “Đã sinh con bao giờ chưa”

i) *Trích phiếu*

32. Chị đã sinh con bao giờ chưa?	CÓ.....1	<input type="checkbox"/>
	KHÔNG.....2	<input type="checkbox"/>
	NGƯỜI TIẾP THEO ←	

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những phụ nữ sinh từ tháng 4/1959 đến tháng 3/1994.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 2 mã được gạch chéo, trong trường hợp mã “2” được gạch chéo, không phải kê khai các Câu hỏi từ 33a đến 34b.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

a) Nếu không mã nào được gạch chéo (hoặc cả hai mã cùng được gạch chéo) ở phần trả lời của Câu hỏi 30, xử lý như sau:

Nếu phần trả lời của các Câu hỏi từ 33a đến 34b có thông tin đủ để xác định người phụ nữ này đã sinh con, thì sửa thành mã “1” được gạch chéo.

Nếu phần trả lời của các Câu hỏi từ 33a đến 34b không có bất kỳ thông tin nào, thì sửa thành mã “2” được gạch chéo. Những phụ nữ còn trẻ dưới 20 tuổi và chưa có chồng thường chưa sinh con, điều tra viên thường hay bỏ sót thông tin (không gạch chéo vào ô mã thích hợp) đối với những trường hợp này.

b) Nếu mã “1” được gạch chéo ở phần trả lời của Câu hỏi 32 và Câu hỏi 18 có mã “1” (Chưa vợ/chưa chồng), nhưng ở phần trả lời của các Câu hỏi từ 33a đến 34b không có thông tin, thì sửa thành mã “2” được gạch chéo.

c) Nếu mã “2” được gạch chéo ở phần trả lời của Câu hỏi 32, nhưng ở phần trả lời của các Câu hỏi từ 33a đến 34b có thông tin đủ để xác định người phụ nữ này đã sinh con, thì sửa thành mã “1” được gạch chéo.

4.2.33a Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 33a: “Số con hiện đang sống cùng hộ”

i) *Trích phiếu*

33a. Số con do chị sinh ra hiện đang sống với chị ở trong hộ này?	SỐ CON CÙNG HỘ	<input type="text"/>	<input type="text"/>
---	----------------	----------------------	----------------------

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những phụ nữ sinh từ tháng 4/1959 đến tháng 3/1994 và ở phần trả lời của Câu hỏi 32 mã “1” được gạch chéo.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Ghi số con hiện đang sống cùng trong hộ vào hai ô mã dành sẵn. Nếu số nhỏ hơn 10 thì ghi thêm số “0” vào ô bên trái.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

Bổ sung số “0” vào ô mã bên trái , nếu bị sót.

Cách kiểm tra và hiệu đính đối với Câu hỏi 33b, 33c tương tự như đối với Câu hỏi 33a.

Lưu ý đối với Câu hỏi 33a

- Nếu người phụ nữ làm chủ hộ (phần trả lời của Câu hỏi 2 có mã “1” được gạch chéo), thì số con để được ghi trong phiếu phải bằng số lượng ghi ở Câu hỏi này. Nếu số ghi ở Câu hỏi 33a có giá trị nhỏ hơn số con để được ghi trong phiếu, chỉnh theo số ghi trong phiếu. Nếu số ghi ở Câu hỏi 33a có giá trị lớn hơn số con để được ghi trong phiếu, không chỉnh.

4.2.34a Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 34a: “Tháng năm sinh (theo dương lịch) của lần sinh gần nhất”

i) *Trích phiếu*

34a. Tháng, năm dương lịch của lần sinh gần nhất?	THÁNG	<input type="text"/>	<input type="text"/>	
	NĂM	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những phụ nữ sinh từ tháng 4/1959 đến tháng 3/1994 và ở phần trả lời của Câu hỏi 32 mã “1” được gạch chéo.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Tháng sinh (“01”, “02”, ... “12”) được ghi vào trong 2 ô mã dành sẵn. Bốn chữ số của năm sinh được ghi vào trong bốn ô mã dành sẵn.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

a) Bổ sung số “0” vào ô mã bên trái của tháng sinh, nếu bị bỏ sót.

b) So sánh *năm sinh* của lần sinh gần nhất với *năm sinh* của người phụ nữ, thường phải thỏa mãn bất đẳng thức: “*Năm sinh* của người phụ nữ” + 13 ≤ “*Năm sinh* của lần sinh gần nhất” ≤ “*Năm sinh* của người phụ nữ” + 49. (*Năm sinh* ở đây được hiểu là giá trị của hai số tận cùng của năm sinh có bốn chữ số).

c) Nếu tổng số con đã sinh của người phụ nữ (tổng của các số ghi ở các Câu hỏi 33a, 33b và 33c) bằng số con đã sinh hiện đang sống cùng hộ (số ở phần trả lời của Câu hỏi 33a) thì tháng, năm sinh của lần sinh gần nhất phải trùng với tháng, năm sinh của người con ít tuổi nhất (ở phần trả lời của Câu hỏi 4) hiện đang sống trong cùng hộ với người phụ nữ đó.

d) Nếu tổng số con đã sinh của người phụ nữ (tổng của các số ghi ở các Câu hỏi 33a, 33b và 33c) bằng tổng số con đã chết (số ở phần trả lời của Câu hỏi 33c) và tháng, năm sinh của lần sinh gần nhất từ tháng 2/2008 đến 3/2009, thì nhiều khả năng trong phần người chết của hộ sẽ có thông tin về trường hợp chết này.

4.2.34b Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 34b: “Số con trai, con gái của lần sinh gần nhất”

i) Trích phiếu

34b. Số con trai, con gái của lần sinh gần nhất?	CON TRAI	<input type="text"/>
	CON GÁI	<input type="text"/>

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho những phụ nữ sinh từ tháng 4/1959 đến tháng 3/1994 và ở phần trả lời của Câu hỏi 32 mã “1” được gạch chéo.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Số con trai và số con gái của lần sinh cuối được ghi vào ô tương ứng ở phần trả lời.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

- Nếu so sánh tổng số con trai và con gái của lần sinh gần nhất với tổng số con đã sinh, thì thường phải thỏa mãn bất đẳng thức:  $1 \leq \text{số con trai} + \text{số con gái}$  (ở phần trả lời của Câu hỏi 34b)  $\leq$  tổng số con đã sinh (tổng của các số ghi ở các Câu hỏi 33a, 33b và 33c).
- Nếu tổng số con đã sinh của người phụ nữ (tổng của các số ghi ở các Câu hỏi 33a, 33b và 33c) bằng tổng số con đã sinh hiện đang sống cùng hộ (số ở phần trả lời của Câu hỏi 33a) thì giới tính của lần sinh gần nhất phải trùng với giới tính của (những) người con ít tuổi nhất (ở phần trả lời của Câu hỏi 3) hiện đang sống trong cùng hộ với người phụ nữ đó.
- Nếu tổng số con đã sinh của người phụ nữ (tổng của các số ghi ở các Câu hỏi 33a, 33b và 33c) bằng tổng số con đã chết (số ở phần trả lời của Câu hỏi 33c) và tháng, năm sinh của lần sinh gần nhất từ tháng 2/2008 đến 3/2009, thì nhiều khả năng trong phần người chết của hộ sẽ có thông tin về trường hợp chết này và giới tính của trường hợp chết đó phải trùng với giới tính của lần sinh cuối.

4.2.34 Kiểm tra có phải người cuối của hộ không

Chuyển sang người tiếp theo, nếu chưa phải người cuối cùng của hộ, ngược lại (là người cuối của hộ) chuyển sang 4.2.35 (Phần 2).

4.2.35 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 35: “Trong hộ có ai chết không”

i) Trích phiếu

35. Từ ngày 01 Tết Mậu Tý (vào 7/2/2008 theo dương lịch) đến 0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2009, trong hộ ta có ai hay cháu nhỏ nào bị chết không?	CÓ.....1
	KHÔNG.....2 → PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho từng hộ của địa bàn điều tra mẫu.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 2 mã được gạch chéo, trong trường hợp mã “2” được gạch chéo, không phải kê khai các Câu hỏi từ 36 đến 42.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

- a) Nếu không mã nào được gạch chéo (hoặc cả hai mã cùng được gạch chéo) ở phần trả lời của Câu hỏi 33:
- Nếu phần trả lời của các Câu hỏi từ 36 đến 42 có thông tin đủ để xác định có trường hợp chết, thì sửa thành mã “1” được gạch chéo.
  - Nếu phần trả lời của các Câu hỏi từ 36 đến 42 không có bất kỳ thông tin nào, thì sửa thành mã “2” được gạch chéo. Thông thường những hộ không có người chết thì điều tra viên thường hay bỏ sót thông tin (không gạch chéo vào mã “2”).
- b) Nếu mã “1” được gạch chéo ở phần trả lời của Câu hỏi 35, nhưng ở phần trả lời của các Câu hỏi từ 36 đến 42 không có thông tin, thì sửa thành mã “2” được gạch chéo.
- c) Nếu mã “2” được gạch chéo ở phần trả lời của Câu hỏi 35, nhưng ở phần trả lời của các Câu hỏi từ 36 đến 42 có thông tin đủ để xác định có trường hợp chết của hộ, thì sửa thành mã “1” được gạch chéo.

4.2.37 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 37: “Giới tính của người chết”

i) *Trích phiếu*

37. [TÊN] là nam hay nữ?	NAM.....1	<input type="checkbox"/>
	NỮ.....2	<input type="checkbox"/>

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho người chết của hộ.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 2 mã ở phần trả lời được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:* Trong trường hợp cả hai mã được gạch chéo (hoặc không mã nào được gạch chéo), cố gắng kiểm tra các thông tin của người đó để xác định giới tính của người đó và sửa. Về nguyên tắc, không được dựa vào tên đệm để xác định giới tính, song đối với người là dân tộc kinh, thì ở phần trả lời của Câu hỏi 36 đối với người có tên đệm “THỊ” thường là nữ và người có tên đệm “VĂN” thường là nam.

4.2.38 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 38: “Tháng năm chết (theo dương lịch)”

i) *Trích phiếu*

38. [TÊN] chết vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	NĂM 2008.....1	<input type="checkbox"/>	
	NĂM 2009.....2	<input type="checkbox"/>	

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho người chết của hộ.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Tháng chết (giá trị có hai chữ số từ “01”, “02”, ... “12”) được ghi vào trong 2 ô mã dành sẵn. Năm chết được gạch chéo vào mã “1” hoặc mã “2” (mã “1” – năm 2008, mã “2” – năm 2009). Hơn nữa nếu chết vào năm 2009 thì tháng chết chỉ có thể là “01”, “02” và “03”, nếu chết vào năm 2008 thì tháng chết chỉ có thể là “02” đến “12”.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi*: Nếu vì một lý do nào đó tháng chết bị bỏ trống thì cố gắng xác minh. Trong trường hợp không xác minh được, thì chỉ ghi “98” - không xác định tháng chết.

#### 4.2.39 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 39: “Tuổi dương lịch khi chết”

Tuổi ghi bằng 2 chữ số. Tuổi nhỏ hơn 10, thêm “0” vào ô bên trái. Nếu sót, đề nghị điều tra viên xác minh. Chưa đủ 12 tháng tuổi, ghi “00”. Tuổi  $\geq 95$ , ghi 95.

#### 4.2.40 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 40: “Nguyên nhân chết”

i) *Trích phiếu*

40. [TÊN] chết vì nguyên nhân gì?	BỆNH TẬT.....1	<input type="checkbox"/>
	TAI NẠN LAO ĐỘNG.....2	<input type="checkbox"/>
	TAI NẠN GIAO THÔNG.....3	<input type="checkbox"/>
	TAI NẠN KHÁC.....4	<input type="checkbox"/>
	KHÁC _____ 5	<input type="checkbox"/>
(GHI CỤ THỂ)		

ii) *Đối tượng kê khai*: Kê khai cho người chết của hộ.

iii) *Quy định ghi phiếu*: Một trong 5 mã được gạch chéo, trong trường hợp mã “5” được gạch chéo, ghi lý do cụ thể vào dòng kê liền dành sẵn.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi*:

- Nếu chỉ có mã “5” được gạch chéo, xem thông tin ghi ở dòng kê liền dành sẵn của mã đó có thể xếp được vào một trong các mã ở dòng trên, sửa thành mã nhỏ hơn được gạch chéo.
- Nếu nhiều hơn một mã được gạch chéo (hoặc không mã nào được gạch chéo), mà người chết này là nữ 15-49 tuổi và có thông tin hợp lệ ở Câu hỏi 42, quy ước sửa thành mã “1” được gạch chéo.
- Nếu gặp các lỗi sai không sửa được, sửa trắng (để trống), sẽ tổng hợp vào nhóm “Không xác định” nguyên nhân chết.

#### 4.2.41 Kiểm tra lại giới tính, tuổi khi chết và nguyên nhân chết của đối tượng điều tra

Kiểm tra giới tính ở phần trả lời của Câu hỏi 37, tuổi khi chết ở phần trả lời của Câu hỏi 39 và nguyên nhân chết ở phần trả lời của Câu hỏi 40 của đối tượng điều tra, nếu:

- Người chết là nam, nữ có tuổi khi chết  $<15$  hoặc tuổi khi chết  $>49$ , là nữ có  $15 \leq$  tuổi khi chết  $\leq 49$  nhưng nguyên nhân chết là do tai nạn (mã “2” hoặc “3” hoặc “4” được gạch chéo ở Câu hỏi 40), việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã cho người chết này đến đây là kết thúc; chuyển sang người chết tiếp theo, nếu chưa phải người chết cuối cùng của hộ. Nếu là người chết cuối cùng thì chuyển sang 4.2.43 (Phần 3).
- Người chết là nữ có  $15 \leq$  tuổi khi chết  $\leq 49$  và nguyên nhân chết không phải do tai nạn (mã “1” hoặc “5” được gạch chéo ở Câu hỏi 38), chuyển sang Câu hỏi 42.

4.2.42 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 42: “Nguyên nhân chết do thai sản”

*i) Trích phiếu*

42. Có phải [TÊN] chết khi đang mang thai không?	KHI ĐANG MANG THAI.....1	<input type="checkbox"/>
NẾU KHÔNG: Có phải chết khi sinh con không?	KHI SINH CON.....2	<input type="checkbox"/>
NẾU KHÔNG: Có phải chết sau khi sảy, nạo, hút thai không?	SAU SẢY/NAO/HÚT THAI.....3	<input type="checkbox"/>
NẾU KHÔNG: Có phải chết trong vòng 42 ngày sau khi đẻ hoặc thai hỏng không?	42 NGÀY SAU ĐẸ/THAI HỎNG.....4	<input type="checkbox"/>
	KHÔNG.....5	<input type="checkbox"/>

*ii) Đối tượng kê khai:* Kê khai cho người chết là nữ, khi chết 15-49 tuổi và không phải chết do tai nạn.

*iii) Quy định ghi phiếu:* Một trong 5 mã được gạch chéo.

*iv) Kiểm tra và sửa lỗi:*

a) Nếu nhiều hơn 1 mã được gạch chéo, sửa thành một mã nhỏ nhất được chọn là phương án đúng.

b) Nếu không mã nào được gạch chéo, quy ước mã “5” được gạch chéo làm phương án đúng.

4.2.43 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 43: “Có hay không có nhà ở”

*i) Trích phiếu*

43. Hộ có hay không có nhà ở	CÓ.....1	
	KHÔNG.....2	→ C53

*ii) Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các hộ.

*iii) Quy định ghi phiếu:* Một trong hai mã được gạch chéo.

*iv) Kiểm tra và sửa lỗi:*

Nếu nhiều hơn 1 mã được gạch chéo (hoặc không mã nào được gạch chéo: a). Các Câu hỏi từ 44 đến 52 có thông tin, thì sửa thành mã “1” được chọn là phương án đúng; b). Các Câu hỏi từ 44 đến 52 không có thông tin, thì sửa thành mã “2” được chọn là phương án đúng.

4.2.44 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 44: “Có ở chung nhà với hộ khác không”

i) Trích phiếu

<p>44. Hộ ông/bà có ở chung nhà với hộ khác không?</p> <p>NẾU CÓ: GHI CHUNG CHO CẢ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ VÀO HỘ ĐẠI DIỆN</p>	<p>KHÔNG.....1 <input type="checkbox"/></p> <p>CÓ.....2 <input type="checkbox"/> → ĐÂY LÀ HỘ ĐẠI DIỆN.....1 <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 100px;">ĐÃ KHAI CHUNG VỚI HỘ KHÁC.....2 <input type="checkbox"/></p> <p style="margin-left: 100px;">_____</p> <p>TÊN CHỦ HỘ ĐẠI DIỆN <span style="border: 1px solid black; display: inline-block; width: 60px; height: 20px; vertical-align: middle;"></span></p> <p style="text-align: right; margin-right: 100px;">C53 ←</p>
--	--

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các hộ đã được xác định là có nhà ở (mã “1” ở phần trả lời của Câu hỏi 43).

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong 2 mã “1”/“2” ở bên trái được gạch chéo.

**Nếu mã “1” được gạch chéo,** tiếp tục kê khai ở Câu hỏi 45.

**Nếu mã “2” được gạch chéo,** thì:

- Nếu hộ là hộ đại diện, mã “1” ở phía phải của phần trả lời được gạch chéo và tiếp tục kê khai ở Câu hỏi 45;
- Nếu không phải là hộ đại diện (khai chung với hộ khác), mã “2” ở phía phải của phần trả lời được gạch chéo và ghi “Tên chủ hộ đại diện” vào dòng kẻ liền dành sẵn và “Hộ số” của hộ đại diện vào ba ô mã dành sẵn rồi chuyển sang Câu hỏi 53.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

Đối với mã “1” và mã “2” phía bên trái của phần trả lời

- a) Không có mã nào được gạch chéo (nhiều hơn 1 mã được gạch chéo), nếu có thông tin hợp lệ ở các Câu hỏi số 45 đến 52, thì xử lý theo hai phương án sau: a1). Sửa thành mã “1” phía bên trái được chọn là phương án đúng và không có hộ nào trong địa bàn khai ‘hộ này là hộ đại diện’; a2). Sửa thành mã “2” phía bên trái được gạch chéo và mã “1” phía bên phải được gạch chéo, nếu có hộ nào đó trong địa bàn khai ‘hộ này là hộ đại diện’.
- b) Không có mã nào được gạch chéo (nhiều hơn 1 mã được gạch chéo) và không có thông tin hợp lệ ở các câu hỏi số 45 đến 52, thì có thể sửa thành mã “2” phía bên trái được gạch chéo và mã “2” phía bên phải được gạch chéo, nếu trong địa bàn tìm được một hộ nào đó là hộ đại diện phù hợp. Kiểm tra các phiếu liền kề (trước và sau phiếu đang kiểm tra) xem có cùng địa chỉ nhà và các câu về nhà ở trên các phiếu này để kiểm tra xem có những hộ nào cùng chung nhà và bổ sung hoặc sửa lại mã hộ đại diện nếu cần.

*Lưu ý:*

- Hộ đại diện phải là hộ trong cùng địa bàn với hộ đã khai, có cùng địa chỉ nhà. Kiểm tra tên chủ hộ đại diện và số thứ tự của hộ đại diện.



- Hai hộ ở chung nhà thường có số thứ tự hộ liền kề.

*Đối với mã “1” và mã “2” phía bên trái của phần trả lời*

Nếu mã “2” phía bên trái được gạch chéo, thì một trong hai mã “1” hoặc “2” ở phía bên phải được gạch chéo.

- a) Không có mã nào được gạch chéo (nhiều hơn 1 mã được gạch chéo) và có thông tin hợp lệ ở các Câu hỏi số 45 đến 52, thì sửa thành mã “1” phía bên phải được gạch chéo.
- b) Không có mã nào được gạch chéo (nhiều hơn 1 mã được gạch chéo) và không có thông tin hợp lệ ở các câu hỏi số 45 đến 52, thì sửa thành mã “2” phía bên phải được gạch chéo, nếu trong địa bàn tìm được một hộ nào đó là hộ đại diện phù hợp .

4.2.45 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 45: “Loại nhà đang ở”

*i) Trích phiếu*

45. Ngôi nhà hộ ông/bà đang ở là nhà chung cư hay nhà riêng lẻ ?  KẾT HỢP VỚI QUAN SÁT ĐỀ GHI	NHÀ CHUNG CƯ.....1 <input type="checkbox"/>
	NHÀ RIÊNG LẺ.....2 <input type="checkbox"/>

*ii) Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các hộ có nhà ở (mã 1 ở Câu hỏi 43) và không khai chung với hộ khác (mã “1” ở Câu hỏi 44 hoặc mã “2” ở Câu hỏi 44 và là hộ đại diện).

*iii) Quy định ghi phiếu:* Một trong hai mã được gạch chéo.

*iv) Kiểm tra và sửa lỗi:*

- a) Nếu cả hai mã được gạch chéo, sửa thành mã “2” được chọn là phương án đúng.
- b) Nếu không mã nào được gạch chéo, thì xử lý như sau: b1). Địa bàn nông thôn, sửa thành mã “2” được chọn là phương án đúng; b2). Địa bàn thành thị, xem tên địa bàn điều tra, địa chỉ hộ nếu có thể xác định là chung cư thì sửa thành mã “1”, nếu không thể xác định được thì để trắng, sẽ tổng hợp vào nhóm không xác định.

4.2.46 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 46: “Số phòng”

*i) Trích phiếu*

46. Ngôi nhà (căn hộ) này có:  a) Máy phòng?  b) Trong đó có mấy phòng ngủ?	SỐ PHÒNG <input type="text"/> <input type="text"/>
	SỐ PHÒNG NGỦ <input type="text"/> <input type="text"/>

*ii) Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các hộ có nhà ở (mã 1 ở Câu hỏi 43) và không khai chung với hộ khác (mã “1” ở Câu hỏi 44 hoặc mã “2” ở Câu hỏi 44 và là hộ đại diện).

*iii) Quy định ghi phiếu:* Số phòng ở và số phòng ngủ được ghi vào ô tương ứng dành sẵn.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi*: Số phòng và số phòng ở có quan hệ với nhau như sau: Số phòng ngủ  $\leq$  Số phòng. Nếu quan hệ này bị vi phạm (tức là số phòng ngủ  $>$  số phòng ở), quy ước sửa số phòng (mới) = số phòng ngủ (đã ghi trên phiếu).

4.2.47 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 47: “Diện tích sàn”

i) *Trích phiếu*

47. Tổng diện tích của ngôi nhà (căn hộ) là bao nhiêu mét vuông?	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> ) <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
--	--

ii) *Đối tượng kê khai*: Kê khai cho tất cả các hộ có nhà ở (mã 1 ở Câu hỏi 43) và không khai chung với hộ khác (mã “1” ở Câu hỏi 44 hoặc mã “2” ở Câu hỏi 44 và là hộ đại diện).

iii) *Quy định ghi phiếu*: Diện tích được ghi theo số mét vuông bằng 3 chữ số vào 3 ô mã dành sẵn.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi*: Thêm (các) số “0” vào (các) ô mã bên trái nếu thiếu.

4.2.48 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 48, 49, 50 và 52

ii) *Đối tượng kê khai*: Kê khai cho tất cả các hộ có nhà ở (mã 1 ở Câu hỏi 43) và không khai chung với hộ khác (mã “1” ở Câu hỏi 44 hoặc mã “2” ở Câu hỏi 44 và là hộ đại diện).

iii) *Quy định ghi phiếu*: Một trong các mã được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi*:

**Lưu ý**: Đối với các câu hỏi (Câu hỏi 48, 49, 50 và 52) có mã “khác” được chọn, trước tiên nên xem xét thông tin ở dòng kẻ liền có thể chuyển về một trong các mã nhỏ hơn ở dòng trên hay không (do điều tra viên đã chọn mã không chính xác). Nếu được, sửa chữa một cách thích hợp.

a) Nếu nhiều hơn 1 mã được gạch chéo, quy ước chọn mã ở dòng trên (có mã nhỏ hơn) được chọn là phương án đúng.

b) Nếu không mã nào được gạch chéo, để trống, sẽ tổng hợp vào nhóm “Không xác định”.

4.2.51 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 51: “Năm bắt đầu đưa vào sử dụng”

i) *Trích phiếu*

51. Ngôi nhà được đưa vào sử dụng năm nào?	TRƯỚC 1975.....1 <input type="checkbox"/>
	TỪ 1975 ĐẾN 1999.....2 <input type="checkbox"/>
	TỪ 2000 ĐẾN NAY.....3 <input type="checkbox"/>
	<b>200</b> <input type="checkbox"/> ←
	KHÔNG XÁC ĐỊNH.....4 <input type="checkbox"/>

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các hộ có nhà ở (mã 1 ở Câu hỏi 43) và không khai chung với hộ khác (mã “1” ở Câu hỏi 44 hoặc mã “2” ở Câu hỏi 44 và là hộ đại diện).

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong bốn mã được gạch chéo, nếu mã “3” được gạch chéo thì chữ số cuối cùng của năm được ghi vào ô dành sẵn.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:* .

a) Nếu không có mã nào được gạch chéo, quy ước mã “4” được chọn là phương án đúng.

b) Nếu mã “3” được gạch chéo, mà không có số nào (từ “0” đến “9”) được ghi trong ô mã dành sẵn, quy ước sửa thành mã “4” được gạch chéo.

c) Nếu nhiều hơn 1 mã được gạch chéo: (i). Trong đó không có mã “3”, quy ước chọn mã ở dòng dưới (có mã lớn hơn) được chọn là phương án đúng; (ii). Trong đó có mã “3” được ghi đúng (có ghi chữ số cuối cùng của năm vào ô dành sẵn), chọn mã “3” là phương án đúng; (iii). Trong đó có mã “3” ghi không đúng (không ghi chữ số cuối cùng của năm vào ô dành sẵn), quy ước sửa thành mã “4” được gạch chéo.

#### 4.2.53 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 53, 54, 55 và 56

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các hộ có nhà ở (mã “1” ở Câu hỏi 43 đã được chọn).

iii) *Quy định ghi phiếu:* Một trong các mã được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:*

a) Nếu nhiều hơn 1 mã được gạch chéo, quy ước: (i). Đối với địa bàn thành thị: chọn mã ở dòng trên (có mã nhỏ hơn) được chọn là phương án đúng; (ii). Đối với địa bàn nông thôn: chọn mã ở dòng dưới là phương án đúng.

b) Nếu không mã nào được gạch chéo, để trống, sẽ tổng hợp vào nhóm “Không xác định”.

**Lưu ý:** Đối với các câu hỏi có mã khác (Câu hỏi 53, 54, 55 và 56), trước tiên nên xem xét thông tin ở dòng kê liền có thể chuyển về một trong các mã nhỏ hơn ở dòng trên hay không (do điều tra viên đã chọn mã này là không chính xác). Nếu được, sửa chữa một cách thích hợp.

#### 4.2.57 Kiểm tra, hiệu đính Câu hỏi 57

##### Trích phiếu

57. Hiện nay, hộ ông/bà có sử dụng các loại thiết bị phục vụ sinh hoạt sau đây không:		CÓ	KHÔNG
Ti vi?	TI VI.....1	<input type="checkbox"/>	.....2 <input type="checkbox"/>
Đài hoặc radiô/radiô cát-sét?	ĐÀI (RADIO/RADIO CASSETTS).....1	<input type="checkbox"/>	.....2 <input type="checkbox"/>
Điện thoại cố định?	ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH.....1	<input type="checkbox"/>	.....2 <input type="checkbox"/>
Máy vi tính?	MÁY VI TÍNH.....1	<input type="checkbox"/>	.....2 <input type="checkbox"/>
Máy giặt?	MÁY GIẶT.....1	<input type="checkbox"/>	.....2 <input type="checkbox"/>
Tủ lạnh?	TỦ LẠNH.....1	<input type="checkbox"/>	.....2 <input type="checkbox"/>
Điều hòa?	ĐIỀU HÒA.....1	<input type="checkbox"/>	.....2 <input type="checkbox"/>
Mô tô hoặc xe gắn máy?	MÔ TÔ/XE GẮN MÁY.....1	<input type="checkbox"/>	.....2 <input type="checkbox"/>

ii) *Đối tượng kê khai:* Kê khai cho tất cả các hộ có nhà ở.

iii) *Quy định ghi phiếu:* Câu hỏi này được hiểu là gồm 8 câu hỏi đóng nhỏ. Mỗi Câu hỏi nhỏ được ghi độc lập. Đối với câu hỏi nhỏ (một dòng) có một trong hai mã “1” hoặc “2” được gạch chéo.

iv) *Kiểm tra và sửa lỗi:* Kiểm tra theo dòng

Nếu cả 2 mã được gạch chéo (hoặc không mã nào được gạch chéo), quy ước sửa trắng (để trắng), sẽ tổng hợp vào nhóm “Không xác định”.

**Đến đây, công việc kiểm tra, hiệu đính và ghi mã cho một hộ kết thúc. Tiếp tục công việc với hộ khác.**

Đối với phiếu toàn bộ, các bước kiểm tra, hiệu đính đã trình bày tóm tắt ở Phần 4.1. Đối với từng câu hỏi cụ thể, đề nghị sử dụng các hướng dẫn trình bày ở Phần 4 của Phiếu điều tra mẫu.

**Phụ lục 1: DANH MỤC CÁC THÀNH PHẦN DÂN TỘC VIỆT NAM**

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
01	Kinh (Việt)	Kinh	Trên cả nước.
02	Tày	Thổ, Ngạn, Phén, Thù Lao, Pa Dí...	Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang, Bắc Kạn, Yên Bái, Thái Nguyên, Lào Cai, Đắk Lắk, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hòa Bình, Lâm Đồng,...
03	Thái	Tày Khao* hoặc Đón (Thái Trắng*), Tày Đăm* (Thái Đen*), Tày Mười, Tày Thanh (Mán Thanh), Hàng Tổng (Tày Mường), Pa Thay, Thổ Đà Bắc, Tày Dọ**, Tay**...	Sơn La, Nghệ An, Thanh Hóa, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái, Hòa Bình, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng,...
04	Mường	Mol (Mual, Mon**, Moan**), Mọi* (1), Mọi bi, Ao Tá (Ậu Tá)...	Hòa Bình, Thanh Hóa, Phú Thọ, Sơn La, Hà Nội (Hà Tây), Ninh Bình, Yên Bái, Đắk Lắk, Đồng Nai, Gia Lai,...
05	Khơ Me	Cul, Cur, Cu, Thổ, Việt gốc Miên, Khơ Me, Krôm...	Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Bình Phước, Tây Ninh, Tp Hồ Chí Minh,...
06	Hoa (Hán)	Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây**, Hải Nam, Hạ*, Xạ Phạng*, Xĩa Phổng**, Thảng Nhảm**, Minh Hương**, Hẹ**, Sang Phạng**...	Tp Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Bắc Giang, Cần Thơ, Lâm Đồng, Bình Dương, An Giang, Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu,...
07	Nùng	Nùng Xuông, Nùng Giang, Nùng An, Nùng Inh**, Nùng Phán Slinh, Nùng Cháo, Nùng Lòì, Nùng Quy Rin, Nùng Dín**, Khèn Lài, Nồng**...	Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Giang, Hà Giang, Thái Nguyên, Đắk Lắk, Bắc Kạn, Lào Cai, Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước, Đồng Nai, Yên Bái,...
08	Hmông	Mèo, Hoa, Mèo Xanh, Mèo Đỏ, Mèo Đen, Ná Mèo (Na Miéo), Mán Trắng, Miếu Ha**...	Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Nghệ An, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Đắk Lắk,...
09	Dao	Mán, Động*, Trại*, Xá*, Diu*, Miên*, Kiềm*, Miên*, Dao Quần Trắng, Dao Đỏ, Dao Quần Chẹt, Dao Lô Gang, Dao Tiền, Dao Thanh Y, Dao Lan Tẻn, Đại Bản*, Tiểu Bản*, Cóc Ngáng*, Cóc Mùn*, Sơn Đầu*, Kim Miên**, Kim Mùn** ...	Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Quảng Ninh, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lai Châu, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Sơn La, Hòa Bình, Phú Thọ, Đắk Lắk, Đắk Nông,...

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
10	Gia Rai	Giơ Rai, Tơ Buăn, Chơ Rai, Hdrung (Hbau, Chor), Aráp**, Mthur**...	Gia Lai, Kon Tum, Đăk Lăk, Bình Thuận,...
11	Ê Đê	Ra Đê, Ê Đê Êgar**, Đê, Kpa, A Đham, Krung, Ktul, Đliê Hruê, Blô, Kah**, Kdrao**, Dong Kay**, Dong Mak**, Ening**, Arul**, Hwing**, Ktlê**, Êpan, Mđhur (2), Bih, ...	Đăk Lăk, Phú Yên, Đăk Nông, Khánh Hòa,...
12	Ba Na	Gơ Lar, Tơ Lô, Giơ Lâng, (Y lăng), Rơ ngao, Krem, Roh, ConKde, A La Công, Kpăng Công, Bơ Nâm...	Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Phú Yên, Đăk Lăk,...
13	Sán Chay	Cao Lan*, Mán Cao Lan*, Hòn Bạ, Sán Chi* (còn gọi là Sơn từ* và không bao gồm nhóm Sán Chi ở Bảo Lạc và Chợ Rạ), Chùng**, Trại**...	Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh, Yên Bái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Đăk Lăk, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Kạn,...
14	Chăm	Chàm, Chiêm**, Chiêm Thành, Chăm Pa**, Chăm Hroi, Chăm Pông**, Chà Và Ku**, Chăm Châu Đốc** ...	Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên, An Giang, Tp Hồ Chí Minh, Bình Định, Tây Ninh,...
15	Cơ Ho	Xrê, Nốp (Tu Lốp), Cơ Don, Chil, (3), Lat (Lach), Tơ Ring...	Lâm Đồng, Bình Thuận, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đồng Nai,...
16	Xơ Đăng	Xơ Teng, Hđang, Tơ Đra, Mơ Nâm, Ha Lăng, Ca Dong, Km-râng*, Con Lan, Bri La, Tang*, Tà Trĩ**, Châu**...	Kon Tum, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đăk Lăk, Gia Lai,...
17	Sán Dìu	Sán Dẻo*, Sán Dẻo Nhín** (Sơn Dao Nhân**), Trại, Trại Đất, Mán Quần Cộc, Mán Váy Xê**...	Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Hải Dương, Đồng Nai, Đăk Lăk, Lâm Đồng,...
18	Hrê	Chăm Rê, Mọi Chom, Krẹ*, Lũy*, Thượng Ba Tơ**, Mọi Lũy**, Mọi Sơn Phòng**, Mọi Đá Vách**, Chăm Quảng Ngãi**, Man Thạch Bích**...	Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum, Đăk Lăk, Gia Lai,...
19	Ra Glai	Ra Clây*, Rai, La Oang , Noang...	Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Thuận, Lâm Đồng,...

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
20	Mnông	Pnông, Mnông Nông, Mnông Pré, Mnông Bu đâng, Đipri*, Biat*, Mnông Gar, Mnông Rơ Lam, Mnông Chil (3), Mnông Kuênh**, Mnông Đíp**, Mnông Bu Nor**, Mnông Bu Đêh**...	Đắk Lắk, Đắk Nông, Quảng Nam, Lâm Đồng, Bình Phước,...
21	Thổ (4)	Người Nhà Làng**, Mường**, Keo, Mọn, Cuối, Họ, Đan Lai, Ly Hà, Tây Pọng, Con Kha, Xá Lá Vàng(5)...	Nghệ An, Thanh Hóa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Điện Biên, Đắk Lắk, Phú Thọ, Sơn La,...
22	Xtiêng	Xa Diêng, Xa Chiêng**, Bù Lo**, Bù Đek** (Bù Đêh**), Bù Biêk**...	Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Lâm đồng,...
23	Khơ mú	Xá Cầu, Khạ Klẩu**, Măng Cầu**, Mứn Xen, Pu thênh, Tênh, Tây Hay, Kmu**, Kum Mụ**...	Nghệ An, Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Yên Bái, Thanh Hóa,...
24	Bru Vân Kiều	Măng Coong, Tri Khùa...	Quảng Trị, Quảng Bình, Đắk Lắk, Thừa Thiên-Huế,...
25	Cơ Tu	Ca Tu, Cao*, Hạ*, Phương*, Ca Tang*(7)...	Quảng Nam, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng,...
26	Giáy	Nhắng, Dảng*, Pầu Thìn*, Pu Nà*, Cùi Chu* (6), Xa*, Giảng**...	Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Yên Bái,...
27	Tà Ôi	Tôi Ôi, Pa Co, Pa Hi (Ba Hi), Kan Tua**, Tà Uôt**...	Thừa Thiên-Huế, Quảng Trị,...
28	Mạ	Châu Mạ, Chô Mạ**, Chê Mạ**, Mạ Ngăn, Mạ Xốp, Mạ Tô, Mạ Krung...	Lâm Đồng, Đắk Nông, Đồng Nai, Bình Phước,...
29	Gié Triêng	Đgiêh*, Ta Riêng*, Ve(Veh)*, Giang Rẫy Pin, Triêng, Treng*, Ca Tang(7), La Ve, Bnoong (Mnoong)**, Cà Tang*...	Kon Tum, Quảng Nam,...
30	Co	Cor, Col, Cùa, Trầu	Quảng Ngãi, Quảng Nam,...
31	Chơ Ro	Dơ Ro, Châu Ro, Chro**, Thượng**...	Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận,...
32	Xinh Mun	Puộc, Pụa*, Xá**, Pnà**, Xinh Mun Dạ**, Nghệt**...	Sơn La, Điện Biên,...

Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
33	Hà Nhi	Hà Nhi Già**, U Ni, Xá U Ni, Hà Nhi Cồ Chồ**, Hà Nhi La Mí**, Hà Nhi Đen**...	Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai,...
34	Chu Ru	Chơ Ru, Chu*, Kru**, Thượng**	Lâm Đồng, Ninh Thuận,...
35	Lào	Lào Bốc (Lào Cạn**), Lào Nội (Lào Nhỏ**), Phu Thay**, Phu Lào**, Thay Duôn**, Thay**, Thay Nhuôn**...	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Đắk Lắk,...
36	La Chí	Cù Tê, La Quả*, Thỏ Đen**, Mán**, Xá**...	Hà Giang, Lào Cai,...
37	Kháng	Xá Khao*, Xá Súa*, Xá Dón*, Xá Dâng*, Xá Hốc*, Xá Ái*, Xá Bung*, Quảng Lâm*, Mơ Kháng**, Háng**, Bẳ**, Kháng Dâng**, Kháng Hoặc**, Kháng Dón**, Kháng Súa**, Bủ Háng Cọi**, Ma Háng Bén**...	Sơn La, Điện Biên, Lai Châu,...
38	Phù Lá	Bồ Khô Pạ (Phù Lá Lão**), Mu Di*, Pạ Xá*, Phó, Phó**, Vaxơ, Cản Thín**, Phù Lá Đen**, Phù Lá Hán**...	Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Điện Biên,...
39	La Hủ	Lao*, Pu Đang Khù Xung, Cò Xung, Khả Quy, Cọ Sọ**, Nê Thú**, La Hủ Na (Đen), La Hủ Sừ (Vàng), La Hủ Phung (Trắng), Xá Lá Vàng**...	Lai Châu,...
40	La Ha	Xá Khao*, Khlá Phlao (La Ha Cạn), La Ha Nước (La Ha Ủng), Xá Cha**, Xá Bung**, Xá Khao**, Xá Tầu Nhạ**, Xá Poọng**, Xá Uống**, Bủ Há**, Pụa**...	Sơn La, Lai Châu,...
41	Pà Thèn	Pà Hưng, Tống*, Mèo Lài**, Mèo Hoa**, Mèo Đò**, Bát Tiên Tộc**...	Hà Giang, Tuyên Quang,...
42	Lự	Lừ, Nhuôn (Duôn), Mùn Di*, Thay**, Thay Lừ**, Phù Lừ**, Lự Đen (Lự Đăm)**, Lự Trắng**...	Lai Châu, Lâm Đồng,...
43	Ngái	Xín, Lê, Đản, Khách Gia*, Ngái Hắc Cá**, Ngái Lầu Mần**, Hẹ**, Xuyên**, Sán Ngái**...	An Giang, Thái Nguyên, Thái Bình, Tp Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Trà Vinh, Đồng Tháp, Bình Thuận, Hà Nam,...



Mã số	Tên dân tộc	Một số tên gọi khác	Địa bàn cư trú chính
44	Chứt	Mã Liêng*, A Rem, Tu Vàng*, Pa Leng*, Xơ Lang*, Tơ Hung*, Chà Cùi*, Tắc Cùi*, U Mo*, Xá Lá Vàng*, Rục**, Sách**, Mây**, Mã Liêng**...	Quảng Bình, Hà Tĩnh, Đăk Lăk,...
45	Lô Lô	Sách*, Mây*, Rục*, Mun Di**, Di**, Mản Di**, Qua La**, Ô Man**, Lu Lộc Mản**, Lô Lô Hoa**, Lô Lô Đen**...	Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu,...
46	Mảng	Mảng Ơ, Xá Lá Vàng*, Xá Mảng**, Niêng O**, Xá Bá O**, Mảng Gúng**, Mảng Lệ**...	Lai Châu, Điện Biên,...
47	Cơ Lao	Tổng*, Tứ Đư**, Ho Ki**, Voa Đề**, Cờ Lao Xanh**, Cờ Lao Trắng**, Cờ Lao Đỏ**...	Hà Giang, Tuyên Quang,....
48	Bố Y	Chùng Chá, Trọng Gia, Tu Dí, Tu Din*...	Lào Cai,...
49	Cống	Xám Khổng, Mảng Nhé*, Xá Xeng*, Phuy A**...	Lai Châu, Điện Biên,...
50	Si La	Cù Dề Xừ, Khả Pê...	Lai Châu, Điện Biên,...
51	Pu Péo	Ka Pèo, Pen Ti Lô Lô, La Quả**...	Hà Giang, Trà Vinh,...
52	Rơ Măm		Kon Tum,...
53	Brâu	Brao	Kon Tum,...
54	Ơ Đu	Tày Hạt, I Đu**,	Nghệ An.
55	Người nước ngoài		Tp Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Hà Nội, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Tây Ninh,...

**Nguồn** : a. Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam (theo Quyết định số 421, ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)-(nguồn chính).

b. Miền núi Việt Nam, thành tựu và phát triển những năm đổi mới, 2002, Ủy ban Dân tộc và Miền núi - (nguồn bổ sung)

Chú thích :

- (1) là tên người Thái chỉ người Mường.
- (2) Mđhur là một nhóm trung gian giữa người Ê-đê và Gia-rai. Có một số làng Mđhur nằm trong địa phận của tỉnh Gia Lai, Kon Tum và Cheo Reo, tiếp cận với người Gia-rai, nay đã tự báo là người Gia-rai.

- (3) Chil là một nhóm địa phương của dân tộc Mnông. Một bộ phận lớn người Chil di cư xuống phía Nam, cư trú lẫn với người Cơ-ho, nay đã tự báo là người Cơ-ho. Còn bộ phận ở lại quê hương cũ, gắn với người Mnông, vẫn tự báo là Mnông.
- (4) Thổ đây là tên tự gọi, khác với tên Thổ trước kia dùng để chỉ nhóm Tày ở Việt Bắc, nhóm Thái ở Đà Bắc và nhóm Kơ-me ở đồng bằng sông Cửu Long.
- (5) Xá Lá Vàng : tên chỉ nhiều dân tộc sống du cư ở vùng biên giới.
- (6) Cùi Chu (Quý Chân) có bộ phận ở Bảo Lạc (Cao Bằng) sống xen kẽ với người Nùng, được xếp vào người Nùng.
- (7) Ca-tang : tên gọi chung nhiều nhóm người ở miền núi Quảng Nam, Đà Nẵng, trong vùng tiếp giáp với Lào. Cần phân biệt tên gọi chung này với tên gọi riêng của từng dân tộc.

\* Chỉ xuất hiện trong «Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam...»;

\*\* Chỉ xuất hiện trong «Miền núi Việt Nam,...».

## Phụ lục 2: DANH MỤC TÔN GIÁO VIỆT NAM

**Tôn giáo** trong danh mục này được hiểu là một tổ chức gồm những người có chung niềm tin vào một giáo lý nhất định.

Mã số	Tên tôn giáo	Tên các tổ chức tôn giáo chính
01	Phật giáo	Phật giáo
02	Công giáo	Công giáo
03	Phật giáo Hòa Hảo	Phật giáo Hòa Hảo
04	Hồi giáo	Hồi giáo
05	Cao Đài	Cao đài Tây Ninh
		Cao đài Tiên Thiên
		Cao đài Chơn Lý
		Cao đài Bạch Y
		Cao đài Chiếu minh Long châu
		Cao đài Minh chơn đạo
		Cao đài Ban chính
		Cao đài Cầu kho tam quan
		Truyền giáo Cao đài
		Các tổ chức Cao đài khác
06	Minh sư đạo	Minh sư đạo
07	Minh Lý đạo	Minh lý đạo
08	Tin Lành	Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc)
		Tổng hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam)
		Hội truyền giáo Cơ đốc Việt Nam
		Hội thánh Cơ đốc Phục lâm
		Hội thánh Báp tít VN (Ân điển-Nam phương)
		Hội thánh Mennonite Việt Nam
		Hội thánh Liên hữu Cơ đốc
		Hội thánh Tin lành Trưởng lão
		Hội thánh Báp tít VN (Nam phương)
		Các tổ chức Tin lành khác
09	Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam	Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam
10	Đạo Tứ ần hiếu nghĩa	Đạo Tứ ần hiếu nghĩa
11	Bửu sơn Kỳ hương	Bửu sơn Kỳ hương
12	Ba Hải	Ba Ha'i

**Phụ lục 3: BẢNG CHUYỂN ĐỔI TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA PHỔ THÔNG**

<b>CÁC TRÌNH ĐỘ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TƯƠNG ƯNG</b>											
Hệ thống giáo dục phổ thông để chuyển đổi Pháp thuộc	Hệ thống thời Pháp thuộc			Từ năm 1945 đến 1954		Hệ thống cả nước hiện nay		Hệ thống giáo dục Miền Bắc			Hệ thống giáo dục cả nước hiện nay
	Hệ thống thời Pháp thuộc			Bổ túc		Miền Bắc		Hệ thống giáo dục Miền Bắc			
				Vùng tự do		Vùng tạm chiếm					
Lớp	1945-1950	1950-1954	Lớp năm tiểu học	1981	1981-1986	1986-1989					
1	Lớp 5 đồng ấu (Cours enfantin)		Lớp năm tiểu học		Lớp 1 phổ thông	Lớp 1 phổ thông					
2	Lớp 4 (Cours préparatoire)	Lớp tư	Lớp tư tiểu học	Lớp 1 BTVH	Lớp 2 phổ thông	Lớp 2 phổ thông					
3	Lớp 3 (Cours elementaire) Đầu sơ học yếu lược	Lớp ba	Lớp ba tiểu học	Lớp 2 BTVH	Lớp 3 phổ thông	Lớp 3 phổ thông					
4	Lớp nhì năm thứ nhất (Moyen1) Lớp nhì năm thứ hai (Moyen2)	Lớp nhì	Lớp nhì tiểu học	Lớp 3 BTVH	Lớp 4 phổ thông	Lớp 4 phổ thông					
5	Lớp nhất (Supérieur) Đậu tiểu học (Certificat)	Lớp nhất	Lớp nhất tiểu học	Lớp 4 BTVH	Lớp 5 phổ thông	Lớp 5 phổ thông					
6	Đệ nhất niên trung học (Première année)	Đệ nhất niên	Đệ thất trung học	Lớp 5 BTVH	Lớp 6 phổ thông	Lớp 6 phổ thông					
7	Đệ nhị niên trung học (Deuxième année)	Đệ nhị niên	Đệ lục trung học	Lớp 6 BTVH	Lớp 7 phổ thông	Lớp 7 phổ thông					
8	Đệ tam niên trung học (Troisième année)	Đệ tam niên	Đệ ngũ trung học	Lớp 7 BTVH	Lớp 8 phổ thông	Lớp 8 phổ thông					
9	Đệ tứ niên trung học (Quatrième année - Diplôme)	Đệ tứ niên	Đệ tứ trung học	Lớp 7B BTVH	Lớp 7 PT	Lớp 9 phổ thông					
10	Đệ nhất niên	Đệ nhất niên chuyên khoa	Đệ tam	Lớp 8 BTVH	Lớp 8 PT	Lớp 10 phổ thông					
11	Đệ nhị niên, tú tài phần thứ nhất (Baccalauréat première partie)	Đệ nhị niên chuyên khoa	Đệ nhị Tú tài I	Lớp 9 BTVH	Lớp 9 PT	Lớp 11 phổ thông					
12	Đệ tam niên, thi tú tài toàn phần (Baccalauréat deuxième partie)	Đệ tam niên chuyên khoa	Đệ nhất Tú tài II	Lớp 10B BTVH	Lớp 10 PT	Lớp 12 phổ thông					

**Phụ lục 4**

**SỔ PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC**

*Dùng cho công tác kiểm tra, hiệu đính và ghi mã*

Tỉnh/thành phố: \_\_\_\_\_

Họ, tên tổ trưởng: \_\_\_\_\_

Mã xã/phường	ĐBĐT số	Thành thị/Nông thôn		Địa bàn mẫu/toàn bộ		Giao cho tổ viên		Nhận từ tổ viên				Tình trạng
		Thành thị	Nông thôn	Mẫu	Toàn bộ	Tên người nhận	Ngày, giờ	Ngày, giờ	Số hộ của ĐBĐT	Số người của ĐBĐT	Đã kiểm tra lại lần:	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
.....	...	x		x		Hùng	9/9 (16.00)	10/9 (15.30)	123	578	2	HT

**Phụ lục 5****PHIẾU KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG****Dùng cho công tác kiểm tra, hiệu đính và ghi mã**

TỈNH/THÀNH PHỐ: \_\_\_\_\_

SỐ HỘ CỦA ĐBĐT: \_\_\_\_\_

HUYỆN/QUẬN: \_\_\_\_\_

SỐ HỘ KIỂM TRA 20%: \_\_\_\_\_

XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN: \_\_\_\_\_

NGÀY KIỂM TRA: \_\_\_\_\_

ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA SỐ: \_\_\_\_\_

STT	Hộ số	Người (số thứ tự câu hỏi có lỗi)	Tổng số lỗi của hộ	Số lỗi đã sửa	Số người của hộ	Có trao đổi với cán bộ kiểm tra, hiệu đính và ghi mã
<i>A</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
<b>Tổng</b>			<b>S1</b>		<b>S3</b>	

Tỷ lệ sai sót (%) =  $S1 \times 100 / S3 = \dots, \dots < 5\%$  chấp nhận được

$\geq 5\%$  Trả lại cho cán bộ ghi mã

Kiểm tra lần thứ \_\_\_\_\_ **Tổ trưởng ký tên:** \_\_\_\_\_